



• Ba Bi giáo

Babisme^F - Babism^A - 波邛教 - Phong trào tôn giáo* trong lòng giáo phái Chiites* Hồi giáo*, thành hình tại Ba Tư vào thế kỷ XIX bởi Mirza Ali Muhammed*. Ông này tự xưng là Bab (*cánh cửa đi vào chân lý thiêng liêng*) và tự ý cải cách Hồi giáo trong sự khắc nghiệt của kinh Coran*. Ông chống lại nạn cuồng tín* và cố tìm cách làm cho tín đồ Hồi giáo hiểu được cái tinh thần hơn là từ ngữ của luật Hồi giáo, truyền giảng sự khoan dung, sự hòa dịu đối với mọi loài và sự giải phóng phụ nữ. Ông xuất bản hai tác phẩm: *L'exposition (Sự Trần Tình)* và *Le Livre très Saint (Quyển Kinh rất Thánh)* mà ông cho là đã khởi thảo từ sự mặc khải* và có thể thay kinh Coran. Ông đã bị xem là kẻ nghịch đạo, bị theo dõi và bị xử tử cùng 18 môn đồ năm 1850. Chủ thuyết của ông ngày nay còn tồn tại ít nhiều, có động trong một tôn giáo mới: Bà Hai giáo*.

• ba phái bốn cơ quan

les 3 branches et les 4 organes^F - the 3 branches and 4 organisations^A - Đây là một cụm từ thường được nêu ra khi đề cập đến việc ông Phạm công Tắc* canh cải nền hành chánh đạo tại Tây Ninh từ 1933 và thành văn bản trong Đạo luật Mậu Dần* của phái Tây Ninh* năm 1938. Sự việc bắt đầu từ

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

1933, ông Phạm công Tắc với danh nghĩa Hộ Pháp* đã cùng ký tên với Quyền Giáo Tông Lê văn Trung* ra tờ Châu tri số 1* buộc Hội Thánh* đương thời phải thi hành bằng cách nâng Quyền Giáo Tông lên Giáo Tông* và các Chánh Phối Sư* lên Đầu Sư*, đồng thời trao các chức Chủ đạo Pháp* và Chánh Phối Sư cho các ông Thời quân đảm nhiệm ba phái bên Cửu Trùng Đài*, mặc dù từ buổi sơ khai, Đức Cao Đài* đã ban hành một nền Chánh giáo* với tam quyền phân lập*: Bát Quái Đài* là Lập pháp, Hiệp Thiên Đài* là Tư pháp và Cửu Trùng Đài thi Hành pháp. Tuy nhiên sau đó, nhiều bất đồng chính kiến đã dẫn đến sự chia rẽ nội bộ tại Tây Ninh khiến các ông Chánh Phối Sư đương quyền phải ra đi. Sau khi ông Quyền Giáo Tông tạ thế* năm 1935, ông Tắc lại thêm mạnh thế. Khi hầu hết các vị Thời Quân qui tụ về Từ Văn Tự* - Gia Định để đến năm 1937 cùng lập văn thư không nhìn nhận chức vụ Hộ Pháp của ông Tắc nữa thì tại Tây Ninh ông Tắc cùng những người theo ông chẳng những tỏ ra khinh thường mọi sự mà còn lớn tiếng "độc tài" triệu tập đại hội tại Tây Ninh ngày rằm* tháng 10 Mậu Dần và ban hành Đạo luật Mậu Dần mà ông Tắc tuyên bố là "theo lệnh Chí Tôn từ nay nền đạo theo đạo luật mới này". Sự việc này cũng tương tự như hồi năm 1934, ông Tắc ban hành Đạo Nghị Định* số 8 Canh Ngọ với lời giáo đầu "theo mặt chỉ Chí Tôn" để có thể gọi các chi phái* không tùng phục Tây Ninh là "bàng môn tả đạo*". Trong Đạo luật Mậu Dần, ông Tắc sát nhập hai cơ quan Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài làm một bằng một tòa Nội chánh điều hành bốn cơ quan là Hành chánh*, Phổ tế*, Phước thiện* và Minh tra* hay Tòa đạo*, tất cả đều do ông toàn quyền điều động với các chức phẩm do ông tạo ra. Mọi việc tuyên bố thăng hạ cấp cũng đều do ông đảm trách. Nền hành chánh ban sơ trước 1933 do ba ông Chánh Phối Sư chủ đạo quản Cửu Viện* theo ba phái hoạt động thuộc nền hành pháp Cửu Trùng Đài đã bị ông Hộ Pháp bỏ mất đi một cách oan uổng chỉ vì ông là người Hiệp Thiên Đài không có quyền trong đó. Lịch sử nền đạo đã được chứng minh bằng văn kiện còn để lại trong thời gian này mà Đồng Tân đã nêu ra đầy đủ trong các bộ Lịch sử Đạo.

• ba la mật

paramita^P - paraga^P - 波羅密 - Tiếng Phạn còn

Đông Tân

gọi là ba la đà, có nghĩa là vượt sang cõi chánh quả, tế độ* được người.

• Ba Lan triết học

Philosophie Polonaise^F - Polish philosophy^A - 波瀾哲學 - Hiện đại, nền triết học* Ba Lan được minh định bởi ba dòng luận thuyết: 1- Tân thực nghiệm chủ nghĩa vốn là một trường lý luận học, phát xuất từ trung tâm Vienne, nhưng năm 1930 với bà Eilstein Nowinski thì suy sụp. 2- Phong trào Da Tô hay Tân Thomas thuyết còn đang mạnh mẽ nhờ vào sự truyền bá Da Tô giáo* trong xứ (*Krapice, Legouries, Ingarden, Klosak*). 3- Thuyết hiện sinh* nổi lên những năm 1955-1956 tại đây là một hình thức của Mác-xít nhưng chủ trương tự do hơn trong mối liên hệ giữa cá nhân và xã hội. Thuyết cộng sản độc quyền trong thời gian Ba Lan bị chiếm cứ đã hoàn toàn phá sản từ 1989, làm đầu mối cho sự sụp đổ đế quốc cộng sản trên toàn châu Âu từ các nước Đông Âu đến Liên bang Xô viết theo phong trào Pérestroika của Mikhail Gorbachev. Thuyết kinh tế phá sản đến nỗi nước Nga phải lâm vào nạn đói và Gorbachev đã phải kêu gọi sự cứu trợ của toàn thế giới, không phân biệt tư bản hay cộng sản vào cuối 1990.

• Ba Tư Cổ giáo

Mazdéisme^F - Mazdeism^A - 波斯古教 - Tôn giáo cổ xưa của dân Ba Tư có nguồn cội phát xuất phần nào từ dân Indo-Aryens, một giống dân du mục không còn để lại một di tích đền thờ nào, nhưng các sách thánh và phong tục cho thấy cùng thờ phụng* chung với giống bò trong hàng chức sắc và giống ngựa trong hàng chiến sĩ ngoài mặt trận. Tại Ba Tư, thứ Hoama hình như tương đương với Soma, một thứ rượu thiêng của Ấn Độ. Sự tôn xưng các lực lượng thiên nhiên, sự thờ lửa và nhất là sự quan trọng của vật hy sinh* cho thấy các tín ngưỡng* này có một số điểm tương đồng trong quan niệm về thiên nhiên và về việc cúng* bái. Danh từ Mazdéisme phát xuất từ Mazdao có nghĩa là sáng rực (*lumineux*) toàn tri (*omniscient*), một tính từ đi theo danh từ đại thần Ahura, Chúa của các vị Chúa. Nữ thần* đất đai Anahita cũng là một đối tượng quan trọng trong việc thờ phượng. Tôn giáo này được tổ chức và xác nhận nơi dân Mêdes bởi Zoroastre đã tổ chức một hàng chức sắc gọi là hội

những tà thuật gia trong Zarathoustra giáo* (*Mazda giáo cải cách*) mà các kinh thánh là các sách Avesta. Hoàn toàn nhị nguyên, Mazda giáo phân biệt: Ahura Mazda còn được gọi là Thần Thiện hay Đấng Sáng tạo dưới thời Sassanides Ormuzd và Angra Mainyu hay Ahriman (*Thần Ác*) có con cái là tà thần và đều là quỷ vương. Hai phe này luôn đánh nhau nhưng phần thắng lúc nào cũng nghiêng về phía Thần Thiện. Ahura Mazda, vị Thần bất khả tư nghị, hình hiện nơi người bởi những thực thể không gì khác hơn là những sắc thái của ánh sáng. Ngoài ra, còn có những Thiên Thần và Thần hạ đẳng. Linh hồn* người chết* vẫn tồn tại nhưng họ phải bị một tòa án nghiêm minh xét xử công tội và theo đó thưởng phạt hoặc được vào cõi ánh sáng hoặc phải vào địa ngục* với những cực hình tra tấn. Con người luôn luôn bị chi phối bởi hai ảnh hưởng đối nghịch của Thiện và Ác, tuy nhiên họ có thể đóng góp vào những chiến thắng của Thần Thiện bằng một cuộc sống đạo đức* mà từ bẩm sinh họ đã hấp thụ được. Tuy được phồn thịnh dưới thời Achéménides, nhưng cuối cùng, Mazda giáo cũng chịu một vài cải cách (*phụ đính và bình luận*), và cả sự phản giáo vào thời đại bắt đầu kỷ nguyên chúng ta, như nhóm Zurvan giáo dưới thời Sassanides đã đặt lên trên những Thần phản nghịch Zurvan - Akarana bao trùm tất cả, hay nhà ẩn tu cổ giáo* và Mithra giáo đã trở thành những tôn giáo*. Sự xâm nhập của Hồi giáo* vào Ba Tư đã gây nên nhiều nguy hiểm vì mọi người đều theo Hồi giáo (*dù muốn dù không*) nhưng lại có một cuộc kháng cự mãnh liệt nơi dân Guébres cổ thủ tại địa phương và cả dân Ba Tư chính mạch. Số người này không chịu đầu hàng và để tránh những vụ tàn sát của Hồi giáo, họ đã di tản sang Ấn Độ vùng Kathiavar vào đầu thế kỷ thứ VIII. Từ thế kỷ XVI, họ thường sống ở Bombay và trở thành một giáo đoàn hùng hậu. Mặc dù chịu những ảnh hưởng Hồi giáo, họ vẫn cố gắng phục hồi lại giáo thuyết chân truyền của Zoroastre trong suốt một thế kỷ. Họ đã mang đi ngọn lửa thiêng từ xứ Ba Tư và luôn luôn thờ phụng ngọn lửa ấy trên Hỏa điện là nơi họ chiêm ngưỡng Giáo chủ Ahura Mazda. Sự tinh khiết chiếm một vai trò quan trọng trong đời sống của người tín đồ. Họ chịu lễ rửa tội, kiêng một vài thức ăn và không được làm ô uế thiên nhiên như đất, nước, lửa. Xác người chết được mang đến những

thấp trầm lặng cho kên kên ăn. Phần da thịt thì bị khử đi, còn phần xương thì được cất giữ trong những chậu. Nhưng nếu thể xác không được tinh khiết mà linh hồn* bất tử, nó chịu sự phán xét của Thượng Đế* mà không được tái sinh*. Ngoài ra một loại Tân Mazda giáo thuyết cũng được truyền thụ tại Âu châu qua giáo phái* Mazdaznan. Giáo phái này chuyên thực hành một loại yoga* theo kiểu luyện khí respir (hơi thở).

• Ba Tỷ Luân giáo

Religion Babylonienne^F - Babylonian Religion^A - Xuất phát từ nguồn gốc Sumer giáo* (4000 trước Tây lịch) vốn là người Cổ Ba Tỷ Luân về luân lý, tín ngưỡng* siêu nhiên và các lễ lạt cũng như ngôn ngữ văn tự một cách tự chủ mà những vị Thần An và Enlil của Cổ giáo Sumer đã trao quyền cho họ. Về sự thờ phượng thì người theo đạo này thờ những nhân vật hình người nhưng có quyền lực siêu nhiên và bất diệt, thường ngự trị nơi cõi Vô hình. Các Thần linh* này cai quản bầu trời, mặt đất, biển cả, không khí, cũng như mặt trời, mặt trăng tinh tú và các sông ngòi, núi non và đồng bằng. Người Ba Tỷ Luân còn có Thần hộ mạng che chở họ khi cần. Trên hết là vị Thần Marduk, ban đầu chỉ là vị Thần tương đối không quan trọng, nhưng về sau, với nền Độc Thần giáo* triều vua Hammurabi (1792 - 1750 trước Tây lịch) thì Marduk chiến thắng nữ Thần Tiamat, chúa quỷ và chinh đốn lại bầu trời, tu chỉnh các vì tinh tú và sáng tạo ra nhân loại. Sau Marduk là Thần Ea - Thần trí tuệ, Sin - Thần mặt trăng, Shamash - Thần mặt trời* và Thần công lý, Ishtar - Nữ Thần* hung bạo hay Nữ Thần chiến tranh và con của Marduk là Thần Nabu. Các vị Thần này được thờ phượng trong những đền đài khắp nơi trong nước. Riêng thủ đô Ba Tỷ Luân có đến 50 đền đài loại này (thế kỷ VIII đến VI trước Tây lịch), mỗi nơi có một điện dành riêng cho vị Trưởng giáo cùng hàng chức sắc. Phẩm vật cúng* mỗi ngày thường là thực phẩm bằng thú vật hay thực vật, nước, rượu hay bia. Ngày lễ quan trọng là ngày nguyên đán và ngày xuân phân gọi là lễ hội Akitu thường có nhiều người tham dự kết thành hàng dài. Lễ hội này kéo dài trong 11 ngày gồm đủ các nghi lễ tẩy uế, lễ hy sinh, lễ cầu phúc, lễ giải tội và lễ ân xá. Về tín ngưỡng, truyền thống dân tộc nhấn mạnh về Thần linh và chân lý*, luật

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

pháp và trật tự, công lý và tự do*, trí tuệ, học thức, sự can đảm cùng lòng trung tín. Cũng theo tôn giáo* này với lòng từ bi đi đôi lòng bác ái và tình thần cứu giúp trẻ mồ côi, những người góa bụa, nghèo khổ, cùng những kẻ bị áp chế hay tỵ nạn. Các hành động vô luân và kỳ thị đều bị xem là chống lại Thần linh và phải bị phạt. Đối với tín đồ Ba Tỷ Luân, sự chết là một nỗi kinh hãi tột độ và là ngọn nguồn của sự tuyệt vọng. Thường họ tin rằng khi chết hồn lìa khỏi xác và sẽ xuống dưới một cõi tối đen sâu thẳm. Mọi người đều phải xuống cõi dưới một cách công bằng và chẳng có phần thưởng nào dành cho những người sống đạo đức* ngay thẳng. Họ cũng tin rằng sự tồn tại của cuộc sống con người bên kia nắm mờ bất quá chỉ là một phản ảnh tối tăm và khốn khổ của cuộc sống trên mặt đất. Sách Gilgamesh Epic được truyền tụng trong dân gian cho biết sự đi tìm một cuộc sống vĩnh cửu là vô vọng. Cũng nên biết rằng dưới thời vua Hammurabi, Ba Tỷ Luân giáo bao gồm một nền Thiên Văn học* tiến bộ với cách quy định lịch trình năm tháng ngày giờ còn được áp dụng đến ngày nay và những mẫu tự hiện đại cũng thừa tự phần lớn vào mẫu tự của Ba Tỷ Luân. Nền ngôn ngữ Assyro - Babylonien phát xuất từ dân tộc Sumer tại vùng Mésopotamie (nay là Iraq) đã có từ năm 3000 đến 2000 trước Tây lịch. Để diễn tả văn tự, trong khi Trung Hoa dùng phương pháp tượng hình thì dân tộc Sumer dùng lối diễn tả hình dính nôm (*cunéiforme*). Từ triều đại Akkadien khoảng 2400 năm trước Tây lịch, người Sumer đã có 6 nguyên âm a, e, ô, ă, ê, ư và 15 phụ âm b, p, t, d, g, k, z, s, sh, ch, r, l, m, n và ng. Phần nhiều tiếng Sumer là độc âm nên thường pha trộn tiếng đa âm, cũng có luật số ít số nhiều và giống cho các danh từ. Sự kiện văn tự này phồn thịnh tại Ba Tỷ Luân dưới triều đại Hammurabi với nền tôn giáo bản xứ. Vào thế kỷ XIX, ngôn ngữ viết bằng ám hiệu gồm khoảng 600 chữ và dấu âm, động từ có hai thì quá khứ và hiện tại - vị lai. Vào thế kỷ IX, đế quốc Assyro thu nhận một số lớn người Aramaic (Cổ Ba Tư) đã du nhập ngôn ngữ họ vào dân bản xứ. Thế kỷ thứ IV dưới thời A Lich Sơn Đại Đế thì tiếng Ba Tỷ Luân đã thay thế dần bằng tiếng Ba Tư trong dân chúng. Tuy nhiên, tiếng Ba Tỷ Luân vẫn được duy trì trong ngôn ngữ luật pháp, tôn giáo, văn chương và khoa Thiên Văn học cũng như tiếng La

Đông Tân

Tinh còn được dùng tại Âu châu kể từ khi đế quốc La Mã sụp đổ. Các bản Anh hùng* ca gồm Creation Epic và Gilgamesh Epic, Creation Epic nói về sự xung đột giữa các Thần linh trong thời hỗn mang, Gilgamesh Epic nói về người anh hùng đi tìm cõi vĩnh hằng.

• Baal giáo

Baal^P - Trong ngôn ngữ Do Thái, Baal có nghĩa là Chúa, là Thầy. Các hàng Baal thần linh hóa rất nhiều, nhân cách hóa thành thị, đền thờ, cả những đồ dùng và sản phẩm thiên nhiên và vô số những danh xưng khác. Thần linh* của sự phồn thịnh ở Tiểu Á. Các Thần tượng này tương ứng các cách tế lễ* xưa chuyên về ngành nông tại vùng Địa Trung Hải. Tại Phénicie, đặc biệt các bài vị* của Rhasamra cho thấy rõ chuyện thần thoại* của Baal Hadad, vị Thần cao nhất. Đối với người Do Thái phương Đông thì vị Thần này được gọi là Bêl, Cha của chư Thần, Chúa vạn năng và Đấng Tạo Hóa, nhưng cũng là vị Thần của sự gieo trồng. Trong Kinh Thánh* Cơ Đốc, Baal chỉ các Tà Thần*. Cũng trong nghĩa này mà người Cơ Đốc thường gọi lễ chế Baal (*ngoại đạo**), giáo sĩ* Baal (*giả dối và cuồng tín**), cô gái Baal (*gái điếm*). Nhưng với dân Hy Lạp thì Baal được đồng hóa với Thần Mặt Trời*, còn với dân La Mã thì Baal là Saturne (*Thổ Tinh Thần*) bởi tính hung dữ.

• Bà Hai giáo

Béhaisme^F - *Behaism*^A - Tôn giáo phát khai từ Ba Bi giáo*, gây dựng bởi một môn đệ của Bab Mirza Husayn "Ali, hay Baha Allah*" ("*Vinh quang của Chúa*") (1817-1892). Sinh tại Ba Tư nơi ông ban truyền giáo thuyết, bị đày ở Thổ Nhĩ Kỳ và bị giam tại Saint Jean d'Acre trong 24 năm. Ông đã viết nhiều sách và nhiều thư gọi là tấm thư (*tablet*) gửi cho các nhà cầm quyền trên thế giới. Dần dần tách rời khỏi hần Hồi giáo*, ông tạo nên một tôn giáo* đại đồng* hòa bình huynh đệ bằng sự dung hòa* các tín ngưỡng* tôn giáo xưa. Người con trưởng của ông Abbas Effendi Abdu'l Bahá (1844-1921) đã kế vị ông. Ông này viết sách Le Plan Divin (*Bản Đồ Thiêng Liêng*) để rao truyền đạo Bà Hai và đề cử người cháu nội của mình làm bảo hộ viên cho nền tôn giáo mới. Bà Hai giáo được truyền khắp thế giới và tạo nên những giáo đoàn được Liên

Hiệp quốc thừa nhận với trung tâm quản trị là Haifa (*hải cảng Do Thái*). Thật ra thì tôn giáo này cũng một thời làm cho khắp nơi bàn tán bởi sự chấp nhận của Liên Hiệp quốc. Nhưng thử hỏi một tôn giáo có truyền thống cha truyền con nối, lại thoát thai từ Hồi giáo là một tôn giáo không thuyết phục được nhân loại ngoài những xứ có nền văn hóa thích nghi với kinh Coran* thì làm sao dung hòa được với các tôn giáo khác, chứ đừng nói đến chuyện hòa đồng nhân loại. Cho nên, nếu vẫn noi theo căn bệnh của các phạm giáo xưa (*giáo chủ là người phạm*) mà ban truyền một giải pháp hòa đồng nhân loại thì có gì khác các cựu giáo* đâu? Điều mà không ai không biết là các tôn giáo xưa với giáo chủ* đầy hấp dẫn ban đầu như Phật giáo*, Cơ Đốc giáo*, Hồi giáo và công trình cứu thế trải dài đến trên dưới 2000 năm mà đã làm cho nhân loại thấy gì ngoài những cuộc tranh chấp quyền năng và chiến tranh nội bộ để rồi giậm chân tại chỗ chờ ngày Tận thế* mà chính các giáo chủ đã báo trước thì việc Bà Hai giáo đã làm quả là một khích lệ cho nền đại đồng nhân loại khi chỉ có sự cứu độ* trực tiếp của Đức Thượng Đế* vạn năng mới đủ lượng khoan dung bao quát để thực hiện vậy.

• Bà La Môn

Brahman^A - 婆羅門 - Xem *Brahmana*.

• Bà La Môn giáo

Brahmanisme^F - *Brahminism*^A - 婆羅門教 - Tôn giáo cổ xưa của Ấn Độ phát xuất từ hệ thống Vệ Đà* đã có vào thế kỷ XII đến V trước Tây lịch nhưng khai triển đặc biệt với kinh Brahmana* và kinh Upanishad, xác định quyền lực tối thượng của hàng giáo phẩm* và quy định những tín điều làm nền tảng cho nền triết học* Ấn Độ. Nhiều Thiên chức siêu hình học chống lại nghi thức chủ nghĩa của kinh Vệ Đà trong những khái niệm về samsara, về luân hồi* nghiệp báo, nhất là về Thượng Đế*. Brahma* với những sắc thái phạm tục, có vợ con, chỉ thích nghi với xã hội ngày xưa mà sau này các nhà sư Phật đã lạm dụng để chìm xuống ngang hàng ngạ quỷ* trong thuyết lục đạo*. Nhiều cuộc thuyết giảng, sau những chống đối có tính cách phản nghịch của Phật giáo* và Mahavira giáo* đã đem lại nhiều cải tiến trong Bà La Môn giáo mà, với những hệ thống triết học về Brahman* và Atman*

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

và sự điều chỉnh các nghi lễ địa phương đã trở thành nền Ấn Độ giáo* mới trong xã hội cố định với lối tổ chức tân kỳ không qua các đẳng cấp mang tính phạm giáo nữa. (Xem Brahman).

• Bà Triệu (thế kỷ III)

Thời Tam quốc (220-265) bên Tàu, tại Việt Nam gọi là quận Cửu Chân, có bà Triệu thị Trinh khởi binh đánh quân Ngô xâm lược. Sử chép rằng bà là người huyện Nông Cống bảy giờ. Mồ côi sớm ở với anh là Triệu quốc Đạt, đến 20 tuổi gặp phải bà chị dâu ác nghiệt bà giết đi rồi vào ở trong núi chiêu mộ hơn ngàn binh sĩ làm thuộc hạ. Khi người anh khuyên can, bà bảo: "Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng dữ, chém cá kình ngoài bể đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đầm đui, chớ không thêm bắt chước người đời, cúi đầu cong lưng để làm tì thiếp người ta". Khi quân Ngô xâm lược nước ta rất tàn ác, ông Triệu quốc Đạt khởi binh thì bà đã tiếp tay với ông và xưng là Nhụy Kiều Tướng quân. Thử sử Ngô Châu là Lục Dận đem quân đi đánh, nghĩa quân của anh em bà cầm cự trong sáu tháng chịu thua chạy đến xã Bồ Điền (nay thuộc huyện Mỹ Hóa) bà tự tử, mới vừa 23 tuổi. Về sau vua Nam Đế nhà Tiền Lý lập miếu thờ, phong là "Bạc Chính Oanh Liệt Hùng Tài Trinh Nhất Phu Nhân". Hiện còn đền thờ tại xã Phú Điền, tỉnh Thanh Hóa. Trong Cao Đài giáo*, bà giáng cơ* xưng là Triệu Nương khuyên dạy nữ phái theo tinh thần truyền thống Đạo học* Đông phương*.

• Bá Di - Thúc Tề

伯夷叔齊 - Theo truyền thuyết Trung Hoa thì đây là tên hai người con vua nước Cô Trúc cuối đời Ân, nhường nhau làm vua. Khi vua Vũ Vương nhà Chu đánh nhà Ân (trận Mộc Dã năm 1122 trước Tây lịch), hai người ra núp ngựa lại can không cho. Sau Vũ Vương được nước, hai anh em không thêm "ăn gạo nhà Chu" bỏ vào núi Thù Dương ở ăn rau, về sau chết đói. Cứ theo sử liệu thì vua Vũ nhà Chu đã diệt vua Trụ bằng trận Mộc Dã, vua Trụ tự thiêu mà chết. Như vậy, việc làm của Vũ Vương là chính nghĩa vì Trụ Vương là bạo chúa có tiếng thời xưa. Hai ông Bá Di Thúc Tề can ngăn không được đã bỏ đi, không chung sống với nhà Chu. Thế thì việc làm của hai ông này có nghĩa gì mà sao còn được truyền tụng như là những thái độ

kiên cường đáng được nhắc tới?

• bá đạo

machiavélisme^F - machiavellism^A - 霸道 - Chính sách khinh nhân nghĩa, chọn quyền thuật, ý chỉ vào các hình tượng ma thuật, mượn chánh đạo* để truyền bá mê hoặc quần chúng dưới nhiều tổ chức của Tà Thần*, hoặc xuyên tạc từ một chánh giáo* mà ra do sự cạnh tranh chon truyền* hoặc mạo nhận danh nghĩa chon truyền của một chánh giáo để hoạt động theo tà giáo. Người xưa nói bá đạo là đem áp dụng cái đức còn non yếu, cái nghĩa còn hạn hẹp mà đem hình pháp áp đặt cho thiên hạ. Cái đức tin* ấy chỉ cốt ở phần lợi do sức mạnh của chiến bị mà có. Nói tóm lại, chính lược không phải do sự chính mà chỉ dùng toàn những bề ngoài không lấy chính văn làm căn bản, tuy ban đầu dân nghe theo nhưng về lâu về dài không được lòng dân mến phục, phần lớn là do tính mị dân mà ra. Với nghĩa này, cộng sản là một thuyết bá đạo thời nay vậy.

• bá quyền

hégémonie^F - hegemony^A - 霸權 - Quyền hành của bá đạo*. Đây chỉ sự dùng quyền lực của kẻ mạnh hay của nước mạnh để xâm lăng các nước nhỏ. Hiện tượng này rất thông thường từ khi có cái chủ nghĩa ý thức hệ "vô dịch" của cộng sản mà hai phe tư bản và vô sản* như muốn tóm thu thiên hạ cho phe mình. Thuyết bá quyền càng hiện rõ khi cả hai phe đều muốn tóm thu quyền và lợi là hai sản phẩm của thời nay. Lẽ dĩ nhiên, khi một phe bị yếu thế hay bị tiêu diệt thì phe kia lại sẽ độc quyền thủ lợi. Nhưng xét cho cùng thì đây chỉ là một thế tất yếu của thời mạt pháp mà nhân nghĩa đạo đức* chỉ đứng sau các thế lực dựa vào nền văn minh vật chất hiện nay mà thôi, bởi khi nhân loại giác ngộ* được bản chất của mình mà cố thực hiện một nền văn minh* tinh thần thì cái trò bá quyền sẽ không còn nữa.

• bá vương

grades royaux^F - royal ranks^A - 霸王 - Những chức tước thời đế quốc: vương dành cho ngôi vua và những dòng họ nhà vua đương quyền, bá là tước vị thứ ba trong triều do vua ban sau công, hầu và trên tử, nam. Hai danh từ vương bá đi đôi chỉ mưu

Đồng Tân

đồ dụng nghiệp thời đế quốc ngày xưa, nếu đem dùng cho thời đại dân chủ* thì chỉ sự toan tính lập phe phái chống đối để đoạt quyền bính chính trị hoặc để tạo thần thế thị uy đối với các tổ chức đảng phái. Đại ý chỉ sự mưu mô không chính đáng theo tính tự cao ích kỷ riêng mình.

• bác ái

compassion universelle^F - universal compas-sion^A - 博愛 - Tình thương rộng ra cùng khắp không những giữa người với người mà với cả chúng sanh. Lòng bác ái chỉ có nơi các bậc Thánh triết hay các giáo chủ*. Nó không hề có nơi chính trị gia, nếu không phải là kẻ muốn mưu đồ một cuộc cách mạng với mục đích canh tân xã hội đem lại hạnh phúc cho nhân loại. Cho nên từ ngữ này thường bị các giáo phái* lạm dụng khi mượn danh nghĩa tôn giáo* mình bất kể hậu quả ra sao. Ngay cả các cơ quan từ thiện cũng đâu cơ từ ngữ này nếu nhân viên không có được đức độ hy sinh mà chỉ mưu đồ danh lợi cá nhân.

• bác học

savant^F - scholar, scientist^A - 博學 - Nhà nghiên cứu khám phá được phần chân lý* vũ trụ trong phạm vi khoa học*. Những người này thường có thái độ khiêm nhường, tự xem mình còn thấp kém chưa biết hết được những bí mật của vũ trụ: một Pasteur* khi đề cập đến phôi chủng đầu tiên của loài người thì cho rằng đó là điều bí mật con người phải khám phục, một Newton* khi tìm ra thuyết Hấp dẫn lực vũ trụ* thì tự ví mình như đứa trẻ đi trên bờ biển lượm được con sò cái ốc mà bí mật vũ trụ ví như bầu trời bao la, một Einstein* - khai sinh thời đại nguyên tử - cũng đã phải khám phục Đấng Tạo Hóa vạn năng mà ông gọi là Tâm Linh Vũ Trụ*. Tuy nhiên, hiện tình nhân loại vào thời mạt pháp cũng nảy sinh không thiếu những nhà bác học giả hiệu hoặc xuất xứ từ những mảnh lối ảo thuật, hoặc mang áo nhà bác học mà tự xưng mình có khả năng này khác để phỉnh gạt mọi người, như nhóm người duy vật biện chứng không biết mình là ai dám hồ đồ tuyên bố: "Biết vũ trụ chưa đủ, làm lại vũ trụ mới nên".

• Bạch Ngọc chung

Cloche de Jade^F - Bell of Jade^A - 白玉鍾 - Cái

chuông lớn thường gọi là đại đồng chung mang tên Bạch Ngọc, cũng ám chỉ tiếng chuông phát ra từ cõi Bạch Ngọc Kinh* hàm ý sự rao truyền tiếng cảnh tỉnh sanh chúng thế gian.

• Bạch Ngọc Kinh

Palais de Jade^F - Palace of Jade^A - 白玉京 - Nơi Đức Thượng Đế* hay Đức Cao Đài* ngự ở tầng Thái Thanh Thiên*, tầng cao nhất trong Thập Nhị Khai Thiên* của Vũ trụ Tâm linh.

• Bạch tuyết thần quang

Ceinture blanche d'Agent d'Art^F - Art Agent's white Belt^A - 白雪神宮 - Dây lưng nịt đạo phục của Bảo Văn Pháp Quân*.

• Bạch Vân Động

Loge Blanche^F - White Cloud Grotto^A - 白雲洞 - Bạch Vân là biệt hiệu của ông Trạng Trình Nguyễn bình Khiêm*. Bạch Vân Động là tên tự gọi của nhóm cơ bút* do các ông chức sắc* Tây Ninh cầm đầu là ông Hộ Pháp Phạm công Tắc* trong thời kỳ ông làm công chức đối lên Kim Biên (Cao Miên) làm việc cho chính phủ Pháp vào năm 1927. Nhóm này gọi là Hội Thánh Ngoại Giao* (*Mission Étrangère*), thành hình cũng từ 1927, được đặt dưới quyền điều động của Thanh Sơn Đạo sĩ (danh xưng của Trạng Trình khi giáng cơ) cùng với Nguyệt Tâm Chơn Nhơn* (hay *Chưởng Đạo Nguyệt Tâm**, đạo hiệu của thi hào Pháp Victor Hugo*) qua sự lãnh đạo của ông Hộ Pháp. Thật sự thì nhị vị Vô hình này được xem như cố vấn - nhất là Chưởng Đạo Nguyệt Tâm - cho hai ông Phạm công Tắc và Lê văn Trung* về đạo sự mà các ông rất tin tưởng. Thế nên, khi ông Hộ Pháp về Tây Ninh tham gia giáo quyền thì nhiều bất đồng chính kiến nảy ra giữa hai bên, một bên là ông Quyền Giáo Tông Lê văn Trung và Hộ Pháp Phạm công Tắc, một bên là các ông Chánh Phối Sư* đương quyền Nguyễn ngọc Tương* và Lê bá Trang* khiến có các Hội Nhơn Sanh* hòa giải buộc hai ông Trung Tắc phải đi Kim Biên nhờ cố vấn. Những bài đàn* này - còn ghi trong tập Thánh ngôn* Pháp ngữ Messages Spirites, Tây Ninh xuất bản - cho thấy phần nhơn điển thiên về hai ông quá nhiều. Cũng do đó mà cơ đạo bị chia rẽ trầm trọng. Đạo luật Mậu Dần* năm 1938 với thái độ độc tài ông Tắc tự xưng là giáo

chủ Cao Đài giáo* bằng những canh cải nền hành chánh đạo, nhiếp hai đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng làm một, để dành cho ông Tắc cái danh vị Chương quân Nhị Hữu hình đài. Điều này cho thấy đương nhiên Tây Ninh đã không còn là Tòa Thánh vì không còn được toàn đạo chiêm ngưỡng mà chỉ do nhóm người theo ông mà thôi. Cho nên phái Tây Ninh* do ông "giáo chủ" Phạm công Tắc tạo ra cũng một phần động cơ từ nhóm Bạch Vân Động vậy.

• Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý

Compagnie Religieuse de Toge Blanche^F - *White Toga Religious Group of Truth*^A - 白衣蓮圖真理 - Nhóm này chủ trương chức sắc* bận đạo phục trắng và bịt khăn đóng trắng mà thôi, không khác phái Tiên Thiên*. Người lãnh đạo buổi đầu là ông Hội đồng Nguyễn văn Tông, trụ sở đặt tại Thánh Thất Mông Thọ*, một Thánh Thất* nguyên thuộc phái Tiên Thiên mà ông Tông cũng người Tiên Thiên. Nhóm này có một chủ trương rất tiến bộ là sưu tầm Thánh ngôn* ở các chi phái để làm tài liệu thành hình đạo sử sau này. Nhưng ông Tông đã mất đi mang theo những ý niệm tốt đẹp đó. Nhóm này dường như về sau không còn hoạt động ngoài trụ sở chính. Năm 1957, có lệnh của đức Lý thiết Quải xây cất Thánh Tòa Ngọc Kinh năm 1962 làm lễ an vị* Thiên Nhân* dù chưa có đủ nhơn sự để thành lập Hội Thánh*. Cuối năm 1954, kinh *Ngọc Đế Chơn Truyền Tân Ước Tri Nguyên* được ấn hành và đem ra thực thi với Thiên Nhân thờ có trái tim khi Tam Đài vẫn giữ nguyên - chứ không đổi thành tước phẩm như phái Minh Chơn Lý* - khi toàn bộ tổ chức kinh tụng cũng như Pháp Chánh Truyền*, Tân Luật*, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* đều bị bãi bỏ chẳng khác gì phái Minh Chơn Lý từ 1935. Từ đó, người tín đồ Cao Đài* chân chính với đức tin* Chánh pháp không hai đã nhìn cái tên Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý cũng bị ma khảo* tương tự như phái Minh Chơn Lý - Định Tường, chỉ là nhóm bàng môn tả đạo* với ý nghĩa đạo hưng thì tả khởi khi trở chính trị nào biết phân biệt chánh tà* nên có lợi dụng tà quyền thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ mà thôi.

• Bacon. Roger Bacon (1214-1294)

Người Anh, sinh viên trường đại học Oxford rồi

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

đại học Paris. Bacon đã nghiên cứu khoa học* trong tu viện* của những người Cordeliers (người mang dây cột thắt lưng họ theo chủ nghĩa của Duns Scot). Ông nghiên cứu nhiều về hóa học, vật lý, Thiên Văn học*, cũng như tiếng Hebreu, tiếng Hy Lạp và tiếng Ả Rập. Ông có những tư tưởng đi trước thời đại khoa học sau này: "Khi nghiên cứu Thiên nhiên, người ta phải mất 20 năm để đọc các lý luận của một người xưa. Theo tôi, nếu được quyền sử dụng các sách của Aristote*, tôi sẽ đem đốt hết, bởi nghiên cứu sách này chỉ mất thì giờ gây sự sai lầm và tạo ra sự ngu dốt quá mức tưởng tượng của con người". Ông còn nói: "Thế giới đầy dẫy những nhà ảo thuật mê hoặc quần chúng bằng cách tin vào những gì không có. Chẳng may, con người luôn luôn tin vào những cái siêu nhiên mà không bao giờ chịu khó chọn lọc và tìm hiểu thiên nhiên bằng lý trí". Bởi thế ông bảo: "Không khí là món ăn của lửa" khi ông bỏ vào bình kín thì lửa tắt. Đến năm thế kỷ sau, người ta mới xác minh điều này bằng thí nghiệm. Vào thời buổi ngành luyện đơn* thịnh hành, ông cho rằng mục đích chính của ngành luyện đơn* là sự giao lưu, nhờ vào một loại rượu thuốc thích hợp một cách hoàn hảo vào các kim loại không hoàn hảo. Tác phẩm *Le Communia Naturalium* của ông là quan điểm của mọi kiến thức đương thời. Nhiều luận án của ông bị Giáo hội La Mã hoài nghi nên Giáo hội đã bỏ tù ông trong 15 năm (1277-1292). Ông là người đầu tiên nhận thấy sự sai lạc của niên lịch La Tinh. Người ta còn cho rằng ông là người khám phá ra thuốc súng đại bác mà ông đã cho người Ả Rập. Ông cũng được xem như là nhà cách mạng khoa học thời Trung Cổ trong lịch sử ngành hóa học.

• bài cơ

message psychographe^F - *psychograph message*^A - Những lời được ghi lại trong một buổi cầu cơ*.

• bài vị

tablette^F - *tablet*^A - Miếng giấy hay tấm gỗ có ghi tên họ, ngày sinh, ngày tử* của một người đặt trên bàn để thờ.

• ban ân

bénir^F - *to bless* - 頒恩 - Nguyên nghĩa là vua gia ân cho thần dân. Các tôn giáo* dùng để chỉ sự gia

Đông Tân

hộ của các đấng Vô hình cho người làm điều thiện, điều tốt. Sự ban ân này được hiểu theo nghĩa vật chất là sự hộ trì cho cuộc sống được thoải mái không vướng những ngặt nghèo không may, theo nghĩa tinh thần là hộ trì cho sự tu tiến mỗi ngày thêm đông mảnh phần chấn, còn theo người tu Vô Vi là cảm nhận được mức độ khả quan của công phu* tu luyện hằng ngày mà chỉ riêng họ biết, trong khi theo người tu Phổ Độ* là mức hành trì* tam công (công phu*, công quả*, công trình*) được viên mãn.

• Ban Cai quản

Commission Dirigeante^F - Management Board^A - 該管班 - Ban chấp hành do tín đồ sở tại bầu lên để làm việc tại một Thánh Thất* trong những năm đầu Khai đạo. Thành phần gồm có trưởng ban, phó ban, từ hàng*, thủ quỹ và một số ủy viên thừa hành các công việc từ Cửu Viện* đưa xuống như ủy viên Lễ, ủy viên Học, ủy viên Nông... Ban Cai quản được xem là chủ phần Nhân, trong khi vị chức sắc*, thường là Lễ Sanh*, giữ chức vụ Đầu Họ Đạo* tại mỗi Thánh Thất do Hội Thánh* bổ nhiệm thì chủ phần Thiên. Khi cần quyết định một vấn đề gì thì hai bên hội ý nhau mà làm việc cho đúng nghĩa Thiên Nhân Hiệp Nhứt*, không bên nào được quyền phủ quyết bên nào. Đó là tinh thần dân chủ* trong tổ chức hạ tầng của Cao Đài giáo* đã có từ ngày Khai đạo, làm sai lệch ý nghĩa này là tự ý cải sửa mối chơn truyền* đã có từ buổi khai nguyên nền đạo, tức là muốn tạo ra một môn phái không phải thuộc Cao Đài giáo, dù có giải thích cách nào đi nữa cũng chỉ là ngụy biện* theo phàm ý mà thôi.

• Ban Chính Đạo

Commission de Réorganisation Doctrinale^F - Doctrinal Reorganization Commission^A - 班整道 - Nguyên năm 1934, sau bao biến cố dồn dập tại Tòa Thánh Tây Ninh* giữa hai phe - một bên là hai ông Quyền Giáo Tông Lê văn Trung* và Hộ Pháp Phạm công Tắc*, bên kia là hai ông Quyền Đầu Sư Ngọc Trang Thanh và Thượng Tương Thanh - khiến cho sự tranh chấp dù qua những Đại Hội Vạn Linh*, Hội Nhơn Sanh* cũng đành bất lực. Do thủ đoạn cô lập của ông Tắc mà hai ông Trang và Tương buộc lòng phải rời khỏi Tây Ninh để về Biên Hòa và Bến Tre hành đạo. Ban đầu, hai ông lập ra Ban

Chính Đạo có ý nghĩa tạo dựng lại nền đạo đang hồi chinh nghiêng hay nói cách khác là chinh đón lại cơ đạo đang bị bàn tay nhơn dục làm cho hoen ố đi. Đến năm 1935, sau khi ông Quyền Giáo Tông Lê văn Trung liễu đạo* tại Tây Ninh thì một đại hội gồm 85 trong tổng số 128 Thánh Thất* hiện có tại Nam kỳ trong đó Tây Ninh chỉ còn 43 Thánh Thất. Ông Nguyễn ngọc Tương* (tức Quyền Đầu Sư Thượng Tương Thanh) được đắc cử phẩm vị* Giáo Tông* tại Thánh Thất An Hội* - Bến Tre. Và sau lần ông Tương thất bại trong việc điều đình với ông Tắc để về kế vị ông Trung thì ông Tương mới dùng Thánh Thất An Hội làm Thánh địa* với hai biện pháp gắt gao: 1- không dùng cơ bút* trong cơ quan Hiệp Thiên Đài* dù cơ quan này vẫn có toàn bộ chức sắc* gồm ba chi. 2- ban hành một Tân pháp* tu học theo ông. Ông tự xưng là phân thân* của đức Lý Giáo Tông tại thế và không quên tuyên bố trong một văn thư gửi cho toàn đạo là "Hiện nay, các chi phái* đã rời phân sự" hàm ý là chỉ có một nền đạo chung mà ông là Giáo Tông mà thôi. Nhưng những điều ông Tương ban ra chỉ có những Thánh Thất theo ông tuân thủ, còn ngoài ra các nơi không biết đến. Như vậy, vô hình chung, dù muốn dù không, ông Nguyễn ngọc Tương đã tạo ra một phái đạo gọi là phái Bến Tre* đối lại với phái Tây Ninh* mà ông Phạm công Tắc cùng một nguyên ủy tạo thành, không chối cãi được. Hiện số tín đồ khắp nơi theo Ban Chính Đạo có đến ngót vài triệu, chỉ đứng sau phái Tây Ninh.

• Ban Nội tá Hiệp Thiên Đài

Commission Intérieure Médiumnique^F - Mediumnic Interior Commission^A - Bộ phận thông công Hiệp Thiên Đài* gồm đồng tử*, pháp sư*, điển ký*, độc giả*. Bộ phận này cần thiết cho một buổi cầu đàn*.

• Ban Thiền Lạt Ma

Panchen Lama^T - 班禪喇嘛 - Tu sĩ của tu viện* lớn nhất ở Tây Tạng Tashi Lhum Po tại Shigaste, được tạo dựng vào thế kỷ XV bởi một môn đệ của Tsongkhapa*. Đây là vị Giáo trưởng cấp nhì của Tây Tạng giáo* sau Đạt Lai Lạt Ma*, ông được xem là hóa thân* của Phật A Di Đà hay Phật Quan Âm.

• bàn đào

banquet des anges^F - festival of angels^A - 蟠桃 -

Quả đào tiên. Truyền thuyết Trung Hoa nói rằng vua Hán Vũ Đế (140 -88 trước Tây lịch) cầu tiên*, bà Tây Vương Mẫu giáng cho quả bàn đào cho biết cây ấy 3000 năm mới nở hoa và 3000 năm sau mới kết quả. Trong Cao Đài giáo*, hội bàn đào là phần thưởng cho những linh hồn* buổi sinh tiền tại thế đã tạo được nhiều công đức để lại hoặc đã đắc đạo* Vô Vi.

• bàn thờ

autel^F - altar^A - Trong tất cả các tôn giáo* là cái bàn linh thiêng trên đó đặt những lễ vật cúng* Vô hình, thường là vật hy sinh* theo các tôn giáo xưa. Người Do Thái đã có bàn thờ với vật hy sinh và bàn để các lễ phẩm. Thời Thượng Cổ ở Địa Trung Hải và ở Đông phương* cũng như nơi các dân tộc bán khai thì có những bàn thờ đầy rượu và bàn thờ để vật hy sinh đầy máu bằng đá thường hay bằng cẩm thạch. Người Cơ Đốc giáo* làm lễ Thánh trên một bàn thờ bằng đá và trong những hang dưới đất từ nơi một người tử đạo. Từ đó có cách dùng những hài cốt đặt dưới miếng đá thờ của bất cứ nhà thờ Da Tô giáo* nào. Bàn thờ thường đã có hình dáng một nấm mồ. Hiện nay thì nghệ thuật thờ tự đơn giản thường là những cái bàn thờ trên có một cây Thập tự không có trang sức. Nơi người Tin Lành thì chỉ một cái bàn thờ sơ cũng đủ. Đông phương thì việc thờ tự là một phần trong cuộc sống tâm linh đạo học* của con người đối với Thần linh* cũng như các linh hồn* người quá cố mà từ nghìn xưa còn để lại rất nhiều di tích. Đại khái thì không khác nhau, dù tín ngưỡng* Phật, Lão, Nho cũng một sự bày tỏ lòng tôn thờ các vị Thần linh đã hộ trì cho cuộc sống được thanh bình. Mặt khác kẻ hậu sinh ghi ơn bậc tiền bối trong gia tộc mà khuôn phép đạo đức* theo luân lý Nho gia còn truyền tụng một bàn như mọi bàn khác trên có chưng bày các lễ vật đại để như nhau, sau cùng là bài vị* hay di tượng, hai bên có bình hoa (*bên trái thuộc dương**) và đĩa quả (*bên phải thuộc âm**), giữa bàn là các lễ vật như trà nước bánh trái và phía trước ở giữa là một lư hương*, hai bên là hai cây đèn. Lối trình bày này đã có từ ngàn xưa mà hầu như mọi tín ngưỡng đều như nhau hoặc tại tư gia hoặc nơi thờ tự công cộng ở nhà thờ hay chùa chiền. Cao Đài giáo* buổi sơ khai với đức Ngô Minh Chiêu* thì có khác một chỗ là lư hương gồm 5 cây tượng

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

trưng cho 5 cấp tu giải thoát* thì đặt tại trung tâm bàn thờ với ý nghĩa việc tu học là trọng tâm của sự thờ tự, mà thờ Thần linh hay Thượng Đế* cũng ý nghĩa cho Con Người nên lư hương phải ở giữa, trong khi đó thì các lễ phẩm như rượu nước thì đặt phía trước ngang hàng với hai cây đèn. Lối thờ phụng* này hiện còn giữ nơi phần Vô Vi đã có từ đức Ngô Minh Chiêu, theo lời chỉ dẫn của Đức Cao Đài* từ 1921 mà ngài quyết giữ y nguyên tại chỗ các phẩm vật với ý nghĩa việc tu học cần nhứt tâm, làm gương cho hậu tấn. Trong khi đó thì phần Phổ Độ* đã theo lối Minh Sư* do ông Ngọc Lịch Nguyệt(?), người tiếp thừa để chỉ dẫn nhóm phò loan* khi từ giã đức Ngô từ tháng 4 năm 1926, mà đặt lư hương phía trước như cũ. Tuy thế, buổi sinh tiền của đức Ngô, có lần ông Tư Huỳnh là đệ tử cấp I của ngài có sắm một tủ thờ và xin ý kiến ngài về việc thiết trí thì ngài đã gạt đi mà rằng: "*Hễ người có căn*, chỉ thành mộ đạo thì chỉ cần sắm một vỏ bầu treo lên giữa nhà, thấp hương cũng có Thầy (tức Đức Cao Đài) chứng rồi. Bày ra chỉ cho nhiều chuyện. Sau này sẽ vì chuyện bàn thờ mà sinh lằm việc không hay đó!*". Quả nhiên, sau năm 1933, trong phần Vô Vi ở Cần Thơ vì muốn canh cải cách bày trí bàn thờ mà sinh ra hai nhóm đối nghịch nhau gọi là nhóm khăn đen khăn trắng* một thời giữa các đệ tử cấp nhì không ít.

• bản hữu quan niệm

conception de l'existence originelle^F - concept of original existence^A - 本有觀念 - Cái quan niệm vốn mới sinh ra đã có sẵn, tức là trước tất cả các kinh nghiệm tiên thiên* (*à priori*), khác với hậu thiên* (*à postériori*) là những gì đã thu nhận do kinh nghiệm.

• bản năng

instinct^F - instinct^A - 本能 - Năng khiếu sẵn có để làm việc theo một lẽ lối đã có trước. Sự kiện này, nhất là nơi cầm thú có ba đặc tính: 1- bẩm sinh (nơi con ong đơn độc thường gọi là ong thợ, làm tổ một khuôn in hệt mặc dù ong mẹ đã chết trước khi có ong con, như thế ong con không thể được dạy cách làm tổ đó bao giờ, cũng thế các loài chim di trú đã biết lộ trình - từ 6000 đến 12000 cây số - ngay từ đầu tiên và cha mẹ chúng không có để hướng dẫn). 2- đồng bộ (bản năng không hề cải cách), ví dụ

Đồng Tân

như những chướng ngại vật do những con hải ly vẫn không hề thay đổi kỹ thuật. 3- riêng biệt (*mỗi giống có một bản năng đặc biệt*). Như vậy, bản năng là phản xạ phức tạp đã được cho với tư chất mỗi người. Và chẳng, những phản xạ đó có thể được hoàn chỉnh bởi sự chấp nhận được những phản ứng theo điều kiện có thể dựa vào sự uyển chuyển và một năng lực tiếp thu trong bản năng. Nơi con người, bản năng được các lẽ luật xã hội chủ động và có chỗ có thể lộ ra khi trí tuệ không làm việc. Bản Thể Luận* ghi nhận bản năng là nền tảng của ý chí*, là một hiện tượng* do giác thức* bảo tồn* chủ trì trong tâm hoạt động của Tình cảm, là mối dây do Trí Thể* buộc con người vào trong cuộc sống của họ.

• Bản Thể

Être Primordial^f - Primeval Being^A - 本體 - Phần hiện hữu mật mù sâu xa nhất khơi mào cho sự thành hình vũ trụ mà trí tuệ con người không bao giờ khám phá được.

• Bản Thể Hư Vô

Être Primordial Sans Forme^F - Formeless Primeval Being^A - 本體虛無 - Bản Thể* vốn không có hình tướng hiện tượng* nên gọi là hư vô, nhưng nó vẫn là nguồn cội sáng tạo bất khả tri của vũ trụ.

• Bản Thể Luận

Discours sur le Chaos - L'Être Primordial^f - Philosophical Lecture on the Chaos - Primordial Being^A - 本體論 - Tác phẩm triết học* của Đồng Tân viết xong tháng 12 năm 1974, đã cho ấn hành tháng 3 năm 1975, có bài tựa của Giáo sư Tiến sĩ Jeremy Davidson thuộc viện Đại học Luân Đôn nhân chuyến công du nghiên cứu về Văn hóa Đạo giáo Đông phương* và riêng Cao Đài giáo* tại Sài Gòn. Nhưng biến cố 30 tháng 4 năm 1975 đã làm trở ngại việc phát hành. Đến năm 1999, Bản Thể Luận mới được tái bản và phát hành tại Melbourne, đã có tại các thư viện Úc châu và Hoa Kỳ. Nội dung tác phẩm gồm ba phần: Phần dẫn nhập: Chương 1: Con người với triết học gồm 3 mục: Độ sâu của triết học Đông phương, Độ nông của triết học Tây phương, Sự dung hòa* hai quan điểm triết học Đông Tây. Phần chính đề ứng dụng nguyên lý Tam Vi Nhất Thể*: Thể* - Tượng* - Dụng* gồm bốn chương.

Chương 2: Nhận định tổng quát. Chương 3: Thể luận gồm 4 mục: Bản Thể luận, Hữu Thể luận, Thực Thể luận, Trí Thể* luận đề cập đến một Vũ trụ quan đi từ Bản Thể vô tri đến Hữu Thể là Nguyên Nhân đầu tiên* (*Thượng Đế**) đến Trí Thể (*hiện diện nơi con người*). Chương 4 gồm 3 mục: Hiện tượng luận* gồm Hiện Tượng nguyên thủy*, Hiện Tượng thiên nhiên* và Hiện Tượng nhân tạo* là những phản ánh từ các Hữu Thể, Thực Thể và Trí Thể mà ra. Chương 5: Dụng luận gồm 3 mục: Sự hiện hữu của Thượng Đế và Con Người, Mối tương quan giữa Thượng Đế và Con Người, Tính chất hằng sống của Vũ trụ. Phần tổng luận: Chương 6: Sự mạng* của Con Người giữa Vũ trụ. Diễn trình mô tả sự biến hóa của Vũ trụ một cách liên tục và cụ thể qua những giai đoạn từ Bản Thể* đến Hữu Thể* rồi Thực Thể* và cuối cùng là Trí Thể* với các Hiện Tượng* liên quan như Hiện Tượng nguyên thủy từ Hữu Thể, Hiện Tượng thiên nhiên từ Thực Thể và linh động và hấp dẫn nhất là Hiện Tượng nhân tạo từ Trí Thể, là điều chưa được đề cập đến bao giờ trên diễn trình tư tưởng kể cả kim cổ Đông Tây. Phần sau của tác phẩm là phần suy diễn cái dụng của chân lý* Vũ trụ trong công trình sáng tạo của Đấng Tạo Hóa Thượng Đế tá danh* Cao Đài* mà sự bí nhiệm trong Kinh Dịch* đã được minh giải một cách thích nghi trong đó, theo nhận định của Giáo sư Jeremy mà bài tựa sách này đã ghi nhận rõ. Để minh chứng điều này, Bản Thể Luận là một khảo ngộ tâm linh từ thế giới Vô hình qua Đồng Tân vốn là đồng tử* trong bộ phận thông công Hiệp Thiên Đài* của Hội Thánh Truyền Giáo Trung Bộ* đã được Vô hình cho biết từ 1947 bằng câu: "Về triết học Cao Đài giáo thì sau này Đồng Tân sẽ viết với tư cách người thường" sau khi đã tiếp cơ thành hình sách Triết Lý về Tôn Giáo và Đạo Đức* của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*. Thế nên sau khi được biết về nội dung sách Bản Thể Luận, Giáo sư Jeremy Davidson đã viết bài tựa bằng Anh ngữ và dịch tên sách ra Pháp văn là *Nouvelle Interprétation de la Compréhension de l'Origine de l'Univers* - có nghĩa là *Một Diễn Đạt Mới về Sự Tìm Hiểu Nguồn Gốc Vũ Trụ*. Về sự kiện này, mãi đến ngày lễ Khai đạo năm 82 Hạ Nguơn Bính Tuất 2006, đương khi tu chỉnh bộ Bách Khoa này thì một đêm nằm tại nhà ở Melbourne, Đồng Tân được cho biết là sự phát hiện những danh từ mới trong

đây như Hữu Thể chính là ngôi Thái Cực* của Hà đồ* và 9 số trong đây cũng như của Hồng Phạm Cửu Trù* cũng đã thể hiện trong sách Bản Thể Luận bằng 3 Thể (Hữu Thể - Thực Thể - Trí Thể) + 3 Hiện Tượng (nguyên thể - thiên nhiên - nhân tạo) + 3 giác thức* (bảo tồn* - sinh hoạt* - tiến bộ*) = 9 động cơ tiến hóa của Con Người nằm trong Tiềm Lực Thiên Nhiên* mà sách Thể Tính Học* sẽ bổ túc sau đó. (Xin xem sách Bản Thể Luận Cao Hiền tái bản vào năm 1998).

• bàng môn tả đạo

paganisme, hérésie^F - paganism, heresy^A - 旁門左道
- Bàng môn nghĩa đen là cửa dẫn đi quanh co không đúng lối, tả đạo là đạo không theo chánh pháp. Bàng môn tả đạo chỉ chung những môn phái giả danh chánh giáo* dưới nhiều hình thức, hoặc mượn danh nghĩa của một chánh giáo để bóp méo thành pháp môn* của mình. Sự kiện này đã có từ xưa như phép phù thủy* từ Lão giáo* hay nhóm tu Hậu Thiên từ Phật giáo*. Cái thuật chung của bàng môn tả đạo là cám dỗ người nhẹ dạ qua việc tạo nên những ma thuật quyền rũ bằng hình bóng như những trưng bày ngoài chợ, trước đám đông để câu nhử những kẻ cuồng tín*. Trong thời kỳ mạt pháp này, nạn cuồng tín cũng đã nảy sinh từ những cự giáo* bởi những tham vọng chiếm đoạt lãnh thổ các quốc gia cho tôn giáo* mình hay những tấn trò sát máu tập thể gọi là để được hưởng thụ khoái lạc vật dục nơi cõi Vô hình từ các kinh điển phạm giáo đã bày ra mà các trận chiến đã được các giới truyền thông từ châu Phi, châu Á loan tải với những hậu quả thảm họa điển hình nơi xứ Algérie hay Nam Dương, Thái Lan vào cuối thế kỷ XX cùng sự lạm dụng danh xưng Thánh tử đạo* thì không thể cho đó là những thủ đoạn của chánh giáo được. Cho nên, có thể nói bàng môn tả đạo là những tổ chức làm sa đọa tâm thuật con người trong bối cảnh trầm luân hiện nay của nhân loại rất dễ bị cám dỗ hoặc vì quyền lợi vật chất, hoặc vì những khát vọng tâm linh nhứt thời, lẽ cố nhiên đó chỉ là trò lừa bịp mà thôi. Nhưng như thế thì làm sao phân biệt được chánh giáo và bàng môn tả đạo trong thời đại văn minh* vật chất này, khi mà cuộc sống đang hiện trên các màn ti vi, màn vi tính nhưng sự sống chết có thể xảy ra bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu và cảnh thực hay cảnh giả nào có

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

khác gì. Nhưng dù sao, một chánh tín đi tìm một chánh giáo chỉ có thể thành tựu khi con người biết rõ đâu là chánh pháp, đâu là bàng môn tả đạo từ trong thâm tâm vô tư cao thượng và bao quát của họ mà không nghe theo một thuyết giảng nào có tính hạn hẹp phiến diện độc tôn từ một cá nhân phạm tục, dù họ tự xưng là Thánh Thần hay Tiên Phật, bởi đó chỉ là luận điệu của ma quỷ hay bàng môn tả đạo vậy.

• Bảng Phong Thần

Tableau des Élus^F - Roll of Elects^A - Bảng phong tước phẩm Thần vị cho những người tu ở mức độ thấp cũng có nghĩa là chưa đạt được ngôi vị cũ của con người vốn từ Tâm Linh Vũ Trụ* tức Thượng Đế* mà ra.*

• báo ứng

expiation^F - automatic expiation^A - 報應 - Tạo nhân kết thành hậu quả. Một luật thiên nhiên quy định hề làm điều lành thì gặp điều lành, làm điều dữ thì gặp điều dữ như người trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì hái đậu vậy.

• báo ứng nhãn tiền

expiation oculaire^F - visible expiation, karma^A - 報應眼前 - Điều báo ứng* thấy rõ, thường thì xảy ra trong khi người tạo nhân còn sống. Ví dụ, kẻ giết người bị hành hạ xác thân và thấy linh hồn* nạn nhân đến đòi mạng, người gây tội ác bị những tai nạn bất ngờ đưa đến hoại thân hay chết chóc. Những hiện trạng thế gian cho thấy có những người làm nhiều điều thất đức mà không thấy có hậu quả tai hại theo luật báo ứng bởi lẽ họ vốn đã là những kẻ lành nhưng vì một nghịch cảnh nào đó do hoàn cảnh xui nên mà họ quên đi căn bản thuần lương của mình để sa vào tội lỗi thì sớm muộn họ cũng vướng vào nghiệp* báo ứng, nếu trong đời họ không có thì con hay cháu họ sẽ bị thay cho họ. Cũng có những báo ứng nhãn tiền cho một tội nhân nhưng vì họ thay đổi tính tình hay nơi cư trú nên khách bàng quan cứ tưởng họ bị hàm oan vì không tìm ra nguyên nhân trước đó. Cho nên khi một sự việc không may đến với một người, ta nên tìm hiểu cho thấu đáo ngọn nguồn mới thấy luật công bình báo ứng của Tạo Hóa là một luật chung cho vạn loại, chứ không riêng gì cho loài người.

Đang Tân

• Bảo Công quân

Agent de travaux Publics^F - Public Works Officer^A
- 保公君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* làm cố vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* quán thông về công chánh.

• Bảo Cơ quân

Agent de Loi^F - Law Officer^A - 保孤君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* làm cố vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về luật pháp.

• Bảo Đạo

Conservateur Religieux^F - Religious Conservator^A
- 寶道 - Một trong Thập nhị Thời quân* của cơ quan Hiệp Thiên Đài* chủ trì việc bảo vệ các văn kiện luật pháp thuộc chi Đạo* dưới quyền Thượng Phẩm*. Bảo Đạo là đầu phòng văn của Thượng Phẩm. Bảo Đạo có trách nhiệm giữ gìn bí mật các phúc trình từ Hiến Đạo*, làm tờ xét đoán để biện hộ chiếu y theo luật đạo rồi làm tờ trình lên Thượng Phẩm để biện hộ cho can nhân khi ra tòa.

• Bảo Địa Linh quân

Agent de Géographie^F - Geography Officer^A
- 保地理君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* làm cố vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về các vấn đề địa lý.

• Bảo Gia Lợi - giáo đồ

Bogomiles^F - Bogomilians^A - Nhóm ngoại đạo* Cơ Đốc xứ Bảo Gia Lợi mà các thuyết nhị nguyên luận* đã được mang lại từ phương Đông bởi nhóm người Arméniens*. Nhóm này phát triển ở vùng núi Balkan từ thế kỷ X đến XIII và vẫn còn tồn tại mặc dù bị xua đuổi và chém giết. Người tử đạo đầu tiên là Basile l'Hérésiarque, y sĩ Byzantin bị hỏa thiêu năm 1118. Xuất phát từ tinh thần các người Pauliciens, những người này không chịu theo các Thánh lễ và áp dụng Kinh Thánh* một cách hơi hợt vì nghi ngờ hầu hết các giáo điều*. Nhóm giáo đồ này gây ảnh hưởng đến những người Cathares, người Vaudois và nhiều phái Tin Lành.

• Bảo Học quân

Agent de l'Éducation^F - Education Officer^A
- 保學君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* làm cố vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về vấn đề giáo

dục.

• Bảo Huyền Linh quân

Agent de Médiurnité^F - Agent of mediumnism^A
- 保玄靱君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* làm cố vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về vấn đề thông công.

• Bảo Nông quân

Agent de l'Agriculture^F - Agriculture Officer^A
- 保農君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* làm cố vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về vấn đề nông tang.

• Bảo Pháp

Conservateur Mystique^F - Mystical conservator^A
- 保法 - Một trong Thập nhị Thời quân* của cơ quan Hiệp Thiên Đài* chủ trì việc bảo vệ các văn kiện luật pháp thuộc chi Pháp* trực hệ Hộ Pháp*. Bảo Pháp là đầu phòng văn của Hộ Pháp. Bảo Pháp có phần hành trong sự giữ gìn luật pháp khi thi hành cho được kín nhiệm làm tờ luận tội và định án chiếu y luật đạo rồi dâng lên cho Hộ Pháp sẽ phân xử trong phiên tòa.

• Bảo Sanh quân

Agent des Affaires Sociales^F - Social Affairs Officer^A - 保生君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* làm cố vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về các vấn đề xã hội.

• Bảo Sĩ quân

Agent de Littérature^F - Literature Agent^A - 保士君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* làm cố vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về các vấn đề nhân văn.

• Bảo Thế

Conservateur Séculier^F - Secular Conservator^A
- 寶世 - Một trong Thập nhị Thời quân* của cơ quan Hiệp Thiên Đài* chủ trì việc bảo vệ các văn kiện luật pháp thuộc chi Thế* dưới quyền Thượng Sanh*. Bảo Thế là đầu phòng văn của Thượng Sanh. Bảo Thế phải giữ gìn bí mật của tờ trình do Hiến Thế* dâng lên rồi chiếu y Đạo luật và Thế luật mà làm tờ buộc án, sau đó dâng lên cho Thượng Sanh dạng người đến Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài* mà buộc tội.

• Bảo Tinh quân

Agent de l'Astronomie^F - Astronomy Officer^A - Một trong Thập nhị Bảo quân* cổ vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về các vấn đề thiên văn.

• Bảo Thương quân

Agent de l'Économie^F - Agent of the Economy^A - 保商君 - Một trong Thập nhị Bảo quân* cổ vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về các vấn đề kinh tế.

• bảo tồn

conservation^F - conservation^A - 保存 - Giữ gìn cho còn lại về sau. Theo Bản Thể Luận*, xem bảo tồn là một trong ba giác thức* chủ trì cuộc sống vạn loại song song với sinh hoạt* và tiến bộ*.

• Bảo Văn Pháp quân

Agent de l'Art^F - Art Agent^A - 保文法君 - Một trong Thập nhị Bảo quân cổ vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về các vấn đề liên quan đến nghệ thuật.

• Bảo Y quân

Agent de Médecine^F - Medical Officer^A - 保伊君 - Một trong Thập nhị Bảo quân làm cổ vấn cho cơ quan Hiệp Thiên Đài* về vấn đề y tế.

• bát âm

Les huit sons de la musique^F - The eight musical sounds^A - 八音 - Tám âm thanh của âm nhạc: bào (tiếng sến), thổ (tiếng đất), cách (tiếng da), mộc (tiếng mõ gỗ), thạch (tiếng khánh đá), kim (tiếng chuông đồng), ty (tiếng dây đàn), trúc (tiếng sáo tre).

• bát bất

Les huit interdits^F - The eight interdicts^A - 八不 - Trung luận Phật giáo* có câu kệ* để phá tà: Bất sinh diệt bất diệt, bất thường diệt bất đoạn, bất nhất diệt bất dị, bất lai diệt bất xuất, năng thuyết thị nhân duyên*, thiện diệt chư lý luận, ngã khổ thủ lễ Phật, chư thuyết trung đệ nhất.

• Bát Chánh Hồng Phạm

Les Huit Règlements d'Administration Antique^F - The Eight Regulation of Ancient Management^A - 八正洪範 - Từ 22 thế kỷ trước Tây lịch, tại Trung Hoa đã có thiên Hồng Phạm trong Lạc Thư* của

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

vua Vũ với các sách lược xây dựng cuộc sống quốc gia, riêng việc trị nước gồm có tám điều khoản khác nhau: nhất viết thực (một là ăn uống), nhị viết hóa (hai là của cải), tam viết tự (ba là tế lễ), tứ viết tư không (bốn là đặt quan tư không coi kho tàng), ngũ viết tư đồ (năm là đặt quan tư đồ lo việc giáo dục), lục viết tư khấu (sáu là đặt quan tư khấu lo việc trật tự an ninh), thất viết tân (bảy là việc tiếp khách), bát viết sự (tám là việc quân). Các sự việc này tiến hành tuần tự theo thứ tự như đã có. Nhưng điều này cho thấy rằng từ ngàn xưa, việc trị dân đã đặt ưu tiên lo cho dân trong ba điều cần (khoản 1, 2, 3) rồi mới đến việc nội trị (khoản 4, 5, 6), ngoại giao (khoản 7), cuối cùng mới đặt vấn đề giữ nước (khoản 8). Như vậy, tinh thần văn hóa* nhân bản đã có trong lịch trình tư tưởng nhân loại từ Đông phương*, không phải cho đến ngày nay mới nói đến mà đã có từ thời Thượng Cổ rồi.

• Bát Chánh Đạo

Aryastangika-marga^F - Noble Sentier Octuple^F - Noble Eight Fold Paths^A - 八正道 - Sau khi ngộ đạo dưới gốc cây bồ đề, Phật Thích Ca đi qua thành Varanasi (tức Bénarès hiện nay) vào rừng Lộc Uyển (Mrigavana) tìm lại năm người đệ tử của Rudraka đã từng theo Phật tìm đạo ở ven sông Nairanjana, nhưng bất bình vì Phật đã dùng ly sữa pha mật ong của nàng Sujata*, con gái của Nandika (Chưởng binh thành Uruvela) mà họ gọi là "đã ngã mặt" nên bỏ qua đây. Thấy sự thành kính của họ, trong đêm, Phật gọi họ mà dạy rằng: "Các người nên lánh hai cái cực đoan: không nên hoang dâm cũng không nên ép xác. Con đường giải thoát phải cách xa hai cái cực đoan ấy. Con đường giải thoát có tám ngã (gọi là bát chánh đạo): một là chánh kiến (thấy chân chính), hai là chánh tư duy (suy nghĩ chân chính), ba là chánh ngữ (nói năng chân chính), bốn là chánh nghiệp (hành động chân chính), năm là chánh mạng (sống chân chính), sáu là chánh tinh tấn (tinh tấn trong chân chính), bảy là chánh niệm (tưởng nhớ chân chính), tám là chánh định (định tâm chân chính)". Sách Phật Đại Thừa đặt Bát Chánh đạo vào khuôn tu của Đạo đế là phần chót của Tứ Diệu đế* thuộc Thanh Văn thừa* là thừa thứ ba trong Ngũ thừa* mà họ gọi là dẫn con người ra khỏi cảnh sinh tử* luân hồi*, tiến tới cảnh yên vui vĩnh viễn của Niết bàn*.

Đàng Tàn

• bát giới

huit interdits^F - eight comandments^A - 八戒 - Tám điều răn của Phật giáo*: 1- không được sát sanh*, 2- không được trộm cướp, 3- không được tà dâm, 4- không được nói dối, 5- không ngồi giường cao, 6- không đeo đồ bằng bạc, 7- không ham của quý, 8- không tập nhiễm múa hát vui đùa.

• bát loạn

huit chaines de malheur^F - eight chains of misfortune^A - 攪亂 - Do bát giới* không được tuân thủ mà sinh ra.

• bát nhã

prajna^P - huit béatitudes^F - eight beatitudes^A - 般若 - Danh từ Phật để gọi trí tuệ.

• Bát Nương

Huitième Fée^F - The Eighth Fairy^A - 八娘 - Vị Nữ Tiên thứ tám trong hàng Cửu vị Tiên Nương* nơi cõi Vô hình Diêu Trì Cung*, tên Việt là Hồ.

• Bát Quái

Huit Diagrammes^F - Eight Diagrams^A - 八卦 - Theo Nho giáo* qua Kinh Dịch*, một trong Ngũ kinh*, Vũ trụ tự buổi khai nguyên bắt đầu là ngôi Thái Cực* sinh ra hai phần đối nghịch Âm Dương gọi là Lưỡng Nghi* biến thành Tứ Tượng* rồi sinh Bát Quái tượng hình cho tám quẻ*: Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài. Từ đây biến hóa vô cùng thành Vũ trụ mà Càn ở vị trí cao nhất thuộc Dương* và Khôn ở thấp nhất thuộc âm* nên còn gọi là Càn Khôn Vũ Trụ*.

• Bát Quái Đài

Palais aux Huit Diagrammes^F - Palace of the Eight Diagrams^A - 八卦臺 - Một trong ba thành phần cấu tạo ngôi Đền Thánh* Cao Đài* có hình bát giác, nơi đặt quả Càn Khôn* trên có hình 3072 ngôi sao theo Thiên Văn học*, giữa có Thánh Tượng Thiên Nhân* (hoặc nơi đặt Thiên bàn có Thiên Nhân nếu là Thánh Thất*). Bát Quái Đài là nơi Đức Cao Đài* và chư Thần Thánh Tiên Phật ngự trị cầm giềng mối đạo khi cần giảng hiện qua cơ bút*. Bát Quái Đài thể hiện nhiều mặt của Cao Đài giáo*:

- Về mặt Đạo pháp*: Bát Quái Đài thể hiện nguyên lý Tam Vi Nhất Thể* qua phần Thể* cũng ứng với

phần Thiên nơi Nhứt Kỳ Phổ Độ* mà Giáo chủ* là Đấng Thượng Đế* vô hình, trong khi Cửu Trùng Đài* là phần Tượng* và Hiệp Thiên Đài* là phần Dụng*.

- Về mặt luật pháp, Bát Quái Đài là cơ quan Lập pháp, ban hành các đạo luật hay duyệt y các luật lệ do Cửu Trùng Đài* (cơ quan Hành pháp) hay Hiệp Thiên Đài (cơ quan Tư pháp) dâng lên.

- Về mặt giáo pháp: Bát Quái Đài chủ trì sự giảng hiện các đấng Vô hình theo lệnh cầm giềng mối đạo hay bố hóa* hàng môn đồ giữ đúng Chánh pháp của Đức Giáo chủ Cao Đài đã có từ năm 1921 với phần Vô Vi và từ 1926 với phần Phổ Độ*.

• Bát Quái Đờ Thiên

Oratoire de Pa Koua^F - Pa Koua Orarory^A - Đây là ngôi Thánh Thất* qui mô thuộc phái Tiên Thiên* đã do toàn đạo phái này dưới sự lãnh đạo của cụ Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang* cùng bốn đạo phái Minh Chơn Đạo* thiết lập từ trước 1940 tại Hà Tiên. Đến 1946, trong khoảng thời gian loạn lạc, tình hình chính trị trong nước bị Việt minh cộng sản lộng hành, chúng quyết phá tan ngôi Thánh Thất này, nên đã cho cán bộ cộng sản dùng nước biển thấm vào tường vôi có xi măng cốt sắt và dùng búa đập phá để quyết giệt sập nhưng không được. Mỗi một thời gian sau, nhân một ngày rằm* sau một lễ cúng* thì bỗng nhiên ngôi đền ngã sụm trên nền đất, lúc đó đạo hữu* không còn trong đó nữa nên không gây thương tích. Hiện cảnh hoang phế này, cảnh Thánh tích* nằm chênh vênh trong vườn hoang vẫn còn tại Hà Tiên mà tác giả có đến viếng năm 1993 ...

• Bát Quái mao

bonnet du costume du Giáo Tông^F - cap of Giáo Tông costume^A - 八卦帽 - Mũ của đạo phục Giáo Tông*.

• bát thức

vinna^P - huit connaissances^F - eight knowledge^A - 八識 - Phật giáo* cho rằng cái biết của con người do tám ngã: do thị giác gọi là nhãn thức, do thính giác gọi là nhĩ thức, do khứu giác gọi là tỉ thức, do vị giác gọi là thiệt thức, do thân gọi là thân thức, do ý gọi là ý thức*. Thêm vào đó ngã thức gọi là mặt na thức* và cuối cùng do a lại da* gọi là a lại da

thức.

• Bát Tiên

Huit Immortels^F - Eight Immortals^A - 八仙 - Theo truyền thuyết Trung Hoa có tám vị Tiên tạo nhiều thành tích tu học còn nêu trong tâm tưởng giới Trung Hoa. Các vị ấy là Lữ Động Tân, Hồn Chung Ly, Lý Thiết Quả, Trương Quả Lão, Hàn Tương Tử, Tào Quốc Cự, Lâm Thế Hòa và Hà Tiên Cô.

• Bắc Đẩu

Grande Ourse^F - Urse Major^A - 北斗 - Chòm bảy ngôi sao ở tận cùng phía Bắc Thiên Cầu, còn gọi là Thất Tinh. Trong Cao Đài giáo*, Bắc Đẩu được xem như là lĩnh vực thiêng liêng* có phần hành trong sự quản trị vũ trụ dưới mạng lệnh của Thượng Đế*. Theo Thiên Văn học* Tây phương thì Bắc Đẩu gồm hai chòm sao Đại hùng tinh (*Grande Ourse*) và Tiểu hùng tinh (*Petite Ourse*) còn gọi là Đại xa (*Grand chariot*) và Tiểu xa (*Petit chariot*) là hai chòm sao cạnh sát Bắc cực Thiên cầu. Đại hùng tinh và Tiểu hùng tinh gồm mỗi chòm bảy sao, 4 ngôi làm thành tứ giác và 3 ngôi kết thành đường thẳng hơi cong. Ngôi sao cuối cùng của Tiểu hùng tinh được gọi là sao Bắc Cực (*Étoile Polaire*) bởi vị trí của nó trùng hợp với Bắc cực Thiên cầu. Ngôi sao này ở một vị trí gần đường của hai ngôi sao tạo thành bánh sau của Đại xa và cách ngôi sao này một khoảng bằng năm lần khoảng cách của hai ngôi sao đó.

• Bắc Đẩu Cung

Temple de la Grande Ourse^F - Temple of Urse Major^A - 北斗宮 - Một vị trí ở tầng Trời thứ bảy của Tạo Hóa Thiên*, nơi linh hồn* người chết* được hướng dẫn qua kinh cầu siêu* tuần chung cửu* 81 ngày để được biết căn* số của mình.

• Bắc Khuyết

Porte du Nord^F - Northern Gate^A - 北關 - Danh từ người Cao Đài* dùng để chỉ nơi Thượng Đế* ngự ở cõi Vô hình.

• Bần Đạo

Pauvre Moine^F - Poor Monk^A - 貧道 - Danh xưng khiêm nhượng của các giáo phẩm* cao hay các đáng thiêng liêng* nơi cõi Vô hình khi giảng cơ*.

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

• bất sinh bất diệt

délivré du cycle des naissances^F - free from the cycle of births and deaths^A - 不生不滅 - Không có gì tự tạo ra cũng không có gì tự biến mất.

• Bergson. Henri Bergson (1859 - 1941)

Triết gia* Pháp. Thuở nhỏ, ông học rất giỏi và đậu vào trường Đại học Sư Phạm vào năm 19 tuổi, đậu tiến sĩ văn chương năm 30 tuổi. Giáo sư tại Collège de France từ 1900 đến 1914. Ông được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp năm 1914 và được giải thưởng Nobel* năm 1928. Những tư tưởng của ông về khoa Thần bí học* tôn giáo* như báo trước sự gia nhập của ông vào Cơ Đốc giáo*, nhưng trận thế chiến năm 1939 xảy ra và ông bị cô lập khi các bạn Cơ Đốc bị quân Đức hạ sát. Ông lại bị bệnh sung phổi bởi sau hàng giờ đứng sắp hàng để nhận thẻ mua thực phẩm. Tư duy của ông khởi đầu từ một Bản ngã tâm lý (*Essais sur les données immédiates de la conscience* - 1889) được sâu sắc hơn trong Niềm trực giác về đời sống (*L'évolution créatrice* - 1907) và kết quả sau cùng trong một triết học* và trí tuệ (*Les deux sources de la Morale et de la Religion* - 1932). Lý thuyết của ông về các Bản ngã sâu xa (*Le Moi profond*) tiếp giáp với cá tính xã hội (*personnalité sociale*) và trùng hợp với thí nghiệm nội tại về sự lâu dài, nên luận lý rộng mở của ông về các Thần sáng tạo vẫn còn nổi danh. Trong cuốn *La Pensée Et Le Mouvant* của ông có chứa tất cả các bài báo, hay các báo cáo về siêu hình và khoa học*. Bergson cũng đã diễn tả tư tưởng triết học đúng đắn nhất về vấn đề tương đối, được xác định bởi những cuộc hội đàm với Einstein* (*Durée et simultanéité* - 1922). Dù được tán dương cũng nhiều mà chê bai cũng không ít, hiện tại Bergson vẫn giữ được ngôi vị* của mình như là một nhà cổ điển trong nền triết học cận đại.

• bể khổ

océan de douleurs^F - sea of sufferings^A - Đây là quan niệm của phái bi quan* yếm thế, riêng biệt trong Phật giáo* là để đầu tiên trong Tứ Diệu Đế: khổ, tập, diệt, đạo. Thuyết này được truyền giảng để kêu gọi tín đồ tìm cách thoát ly khỏi cảnh khổ mà thế gian phải chịu từ khi mới sinh ra bởi bốn hành xử: sinh, lão, bệnh, tử* mà không ai tránh khỏi. Tuy nhiên, thực tế đã diễn ra trên mặt đất này

Đông Tân

cho thấy đâu phải chỉ có sự khổ. Bốn sự kiện trên đã đến với con người nhưng không phải ai ai cũng cảm thấy mình phải khổ vì chúng, nhất là hạng giàu sang quyền quý thì cuộc đời là sự hưởng thụ thích nghi chứ có phải ngậm đắng nuốt cay tần tảo kiếm ăn như kẻ nghèo khó đâu. Trong khi đó thì có những người xem thường mọi lạc thú vật chất, vui sống cảnh thanh bần với thành quả đạt đạo. Cho nên Cao Đài giáo* không quan niệm như vậy mà chỉ xem đời là một trường khảo hạch mà con người là những thí sinh đang trên đường tấn hóa tìm về ngôi xua vị cũ của mình từ buổi khai nguyên. Những chuyện chướng ngại làm đau khổ thân tâm trên đường đời là những bài khảo hạch mà con người phải trải qua mới mong trúng tuyển kỳ khảo hạch cho cá nhân mình. Vì thế những sang nghèo vinh nhục đã đến với một người là do tự họ đứng trước một đề thi, nếu không phải đã do những hành động quá khứ của họ mà sinh ra hậu quả thì họ phải gánh chịu để vượt qua mà thôi.

• bến mê

port des ténèbres^F - port of darkness^A - Theo chủ thuyết vô minh* của Phật giáo*, ngoài là bể khổ*, thế gian còn là bến mê mà con người đang lặn hụp trong đó. Hai quan điểm này có tính cách làm cho con người cảm nhận một ý thức* sa đọa trầm trọng mà nguyên nhân* vẫn mù mịt trong cái nhân duyên* vô định tự bao giờ. Trong thực tế thì xã hội loài người đâu phải bao giờ cũng trầm kha điên loạn mà có những thời đại vàng son chạy dài theo lịch sử của bất cứ một dân tộc nào với thành tích không phản lại thiên nhiên. Lại nữa, nếu thật sự cõi đời là bến mê thì làm sao có những bậc đại giác đem bản thân mình làm mẫu mực chung để thức tỉnh quần chúng đang say sưa trong mộng mị hào nhoáng của danh vọng và quyền lợi để tự tiến dần từ phong kiến đế quốc kỳ thị thực dân xâm lược cho đến thể chế dân chủ* bình đẳng* như thời đại hiện nay, mặc dù cái văn minh vật chất đã làm cho con người đánh mất đi một phần nhân tính cần phải tìm lại bằng một nền văn minh* tinh thần mà sứ mạng* của tôn giáo* cần phục hồi khả năng cảnh tỉnh một cách thích nghi bao quát của mình. Cho nên, Phật giáo đã gọi đời là bến mê từ hơn 25 thế kỷ nay mà mãi tận cho đến ngày nay đã có làm gì hơn được khi chính các nhà sư kia cũng bị chìm trong bến

mê sắc tướng tự Thành Tử* đến nay khi chỉ một nhà sư Huệ Năng* được xem như đã thoát khỏi cái bến mê cõi ta bà này vậy.

• bệnh

maladie^F - disease^A - 病 - Sự suy thoái trong cấu trúc hay trong các chức năng của cơ thể. Tất cả mọi thứ bệnh có một sắc thái tâm lý: người cảm thấy bệnh và xem như sống cách biệt với người khác. Tính chất tâm lý của bệnh tình - cũng như tính chất của bất kỳ một tâm lý nào - là tính không thích nghi. Trong những rối loạn tâm lý, sự không thích nghi này có thể cảm nhận một cách đơn giản (*bệnh thần kinh*) hay ngược lại nó có thể là thật sự và vô thức (*bệnh tâm lý*). Có khi người ta gọi là bệnh rối loạn tâm thần hay là "*hiện tượng bệnh trạng*". Nhưng dù trường hợp nào thì bệnh cũng là hiện tượng đối nghịch với sức khỏe vốn là cuộc sống yên lành của các cơ năng (*Leriche*), và về phương diện tâm lý nó trái với hạnh phúc, với sự chia sẻ của cá nhân vào cộng đồng nhân loại và vào cuộc sống chung. Theo Phật giáo* thì bệnh là một trong tứ khổ của loài người nên phải tìm cách để tránh nó. Cơ Đốc giáo* thì cho rằng xác thân bị hành hạ là để dễ tìm đường về với Chúa, cho nên những nhà tu khổ hạnh thường hành xác. Trong khi đó thì Cao Đài giáo* phần Vô Vi cho rằng bệnh là một sự trả quả*, trả nợ, do những việc làm của mình còn để lại từ bao nhiêu kiếp* trước cần phải thanh toán trước khi trở về với Thượng Đế*. Cho nên, người tu Vô Vi khi bị bệnh không chịu uống thuốc hay chạy chữa thầy thuốc mà thường cố tu luyện hành pháp để tự chữa lấy mình. Người làm được việc này là ông Lê Minh Huân*, đặc quả Đạo Đức Kim Tiên*, một trong những môn đồ cấp một của phần Vô Vi Cao Đài giáo.

• Bếp Nhạc

Một chức phẩm trong hàng lễ nhạc thuộc phái Tây Ninh* Đối phẩm Lễ Sanh.

• bi quan

pessimisme^F - pessimism^A - 悲觀 - Cử chỉ hay khuynh hướng triết học* theo đó tổng số các điều ác trên đời vượt qua tổng số các điều thiện. Nói riêng thì đây là chủ nghĩa cho rằng đời người là một biển khổ vô tận (*Schopenhauer**) bởi vì định

mệnh trên cõi đời này là hành động và hành động có nghĩa là cố gắng có được những gì mình không có. Tất cả cuộc đời hoạt động của con người do đó, theo học thuyết này, là một sự khổ triền miên: người ta làm việc để kiếm tiền, họ tiêu tiền để có những gì mà họ không có. Nhưng vòng ham muốn của con người vô cùng, nỗi khổ của họ cũng không hề dứt. Nói rõ hơn, chủ nghĩa bi quan chối bỏ ý tưởng về những tiến bộ của nền văn minh và của kiếp người và họ giải thích tiến trình lịch sử theo chiều thoái hóa. Nói cách khác thì người bi quan không làm gì cả chỉ nhìn người khác làm việc...

• bí ngữ

sentences mystérieuses^F - mysterious sentences^A - 秘語 - Những câu tụng niệm* thường của hàng giáo phẩm* các tôn giáo* không có hay không rõ nghĩa đối với người sống, nhưng có được hiệu lực trong cõi Vô hình.

• bí pháp

clé de l'énigme^F - key to the enigma^A - 秘法 - Pháp môn* truyền đạt bằng miệng, không viết nên lời cho người khác biết. Pháp môn này được ứng dụng trong phần Vô Vi - Chiếu Minh Tam Thanh*.

• bí quyết

moyen secret^F - secret way^A - 秘訣 - Những bí mật về tâm pháp mà các tôn giáo* thường sử dụng.

• bờ ngạn

rive du bonheur^F - shore of happiness^A - 彼岸 - Bờ bên kia của sự thanh nhàn vui sướng, tức cõi Cực lạc*.

• biến hình thuyết

transformisme^F - transformism^A - 變形說 - Lý thuyết về sinh vật (thành hình từ thế kỷ XVIII) theo đó những động vật sống đã biến thể dọc theo các thời đại địa chất khác nhau. Các biến thể này có thể phát sinh do sự thay đổi các điều kiện sống (hoàn cảnh) bởi một sự nảy nở chậm chạp của từng chủng loại (biến hóa luận) hay vì những đột khởi bất ngờ (dị dạng thuyết*) do sự đột biến ở mức độ các yếu tố di truyền* về những nhiễm thể. Lamarck và Darwin là các đại biểu của biến hình thuyết. Lamarck nhấn mạnh ở yếu tố hoàn cảnh trong những biến

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

dạng của các cơ thể, Darwin thì nhấn mạnh sức cố gắng của cơ thể dần biến dạng để thích nghi theo tiến hóa luận*. Cả hai thuyết trên chỉ là những luận cứ do sức thu nhận la tập của nó, bởi đằng sau những hiện tượng sống luôn luôn có một nguyên lý sáng tạo thuộc về phương diện tâm linh kể từ khởi thủy dưới quyền năng của Đấng Hóa Công mà những người không có được mức khái thị* cần thiết không bao giờ thấu triệt được.

• biện chứng pháp

dialectique^F - dialectics^A - 辯證法 - Thoạt đầu là nghệ thuật đối thoại, khi hai người có quan điểm trái ngược gặp nhau và một sự cãi vã xảy ra, người nào cũng muốn hạ đối thủ. Sự đối nghịch của các giả thuyết là động cơ chính của sự cãi vã. Như vậy, các cuộc đối thoại đều là một loại biện chứng pháp (như Đối thoại của Platon*). Qua thí nghiệm đơn giản này, người ta có thể đưa ra hai ảnh tượng: sai và đúng. Aristote* đã giữ ảnh tượng sai khi định nghĩa cuộc đối thoại như là nghệ thuật đưa ra luận cứ về từ chối, chống lại một cách đơn giản những giả thuyết đối nghịch nhau (Kant*). Trái lại, theo nghĩa đúng thì biện chứng pháp là một nghệ thuật tạo ra một kiến thức thật: phải được biết một vài quan điểm (đề) rồi giữ lại phần xác thực của quan điểm đối nghịch (phản đề) để biết được thực chất toàn bộ của đề tài (tổng hợp). Như thế bởi vì con người không thể nhứt loạt hiểu rằng sự hiểu biết của họ là tuần tự và theo biện chứng. Marx* và những người cộng sản sau này dùng biện chứng để giải thích các hiện tượng xã hội, nhưng họ đã làm lạc trong các định nghĩa của danh từ mà cho rằng cái gì theo họ cũng "logic" với cặp mắt thiên cận mà cái lối hiểu khoa học* mù mờ phiến diện duy vật kia có đến đâu.

• biểu tượng pháp

symbolisme^F - symbolism^A - 表象法 - Là một hệ thống sử dụng một dấu hiệu để diễn tả các sự kiện và các tín ngưỡng*. Người ta bắt gặp nó trong tất cả các tôn giáo* từ loại cổ xưa đến các loại lý thuyết những biểu tượng ma thuật, các nghi lễ săn bắn, mưa móc, được mùa và thịnh vượng, biểu tượng của quyền lực... Tại Ai Cập, có nhiều ma thuật thực nghiệm hơn là biểu tượng thuần túy, không kể huyền bí giáo lý*. Tuy nhiên chỉ có những bậc đức

Đang Tân

đạo* mới biết sự quan trọng của các biểu tượng thần bí*. Biểu tượng thiêng liêng* của bánh và rượu nho thì rất độc đáo đối với Thánh thể, cả đến những người ngoại đạo*. Thập Tự giá là biểu tượng của đấng Christ* cũng như chim bồ câu là biểu tượng của Thánh linh. Rất nhiều biểu tượng về thuyết đại đồng* như vòng tròn (*mặt trời, vũ trụ, tuyết đối...*). Người ta tìm thấy biểu tượng trong các tôn giáo Á châu thường dùng làm căn bản cho sự thiêng định*. Nó có liên quan đến việc cầu khẩn vào thời Thượng Cổ qua các tổ chức thần bí. Đây là một dấu hiệu mang tính khái ngộ nơi các nhà khai đạo kể từ buổi khai nguyên mà không tôn giáo nào không có tùy theo mức huyền diệu* thiêng liêng đã có nếu thật là một tôn giáo với sứ mạng* cứu nhân độ* thế. Cao Đài giáo* từ ngày phối thai năm 1921, khi người đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài* bắt đầu ngộ đạo là đức Ngô Minh Chiêu* đã được ứng hiện trước mắt một Thiên Nhân* để thờ Ngài. Đây là một biểu tượng mà nếu truy tìm trong lịch sử tôn giáo thế giới thì nơi đâu cũng thấy có biểu tượng này một cách thiêng liêng màu nhiệm*, nhất là vùng Tiểu Á...

• bình bát du

vese d'aumônier^F - mendicant friar's bowl^A - Cổ pháp của Phật giáo*, được dùng làm biểu tượng nghi thức cho các cấp giáo phẩm* Cửu Trùng Đài* biểu thị cho tinh thần Tam giáo đồng nguyên trong Cao Đài giáo* cũng như Phật chủ* (*Lão giáo**) và Thư hùng kiếm* (*Nho giáo**).

• bình đẳng

égalité^F - equality^A - 平等 - Liên hệ giữa hai lượng như nhau hay giữa hai sự vật cùng một tính chất. Nhìn về phương diện luân lý, tất cả mọi người sinh ra đều sống tự do* và bình đẳng về pháp luật (*Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1789*). Nhưng thật sự thì có nhiều cách để nhận định sự bình đẳng: 1- Người ta có thể nghĩ rằng bình đẳng cốt để cho mọi người cùng mọi vật như nhau (*bình đẳng giao hoán*) như đã thực hành trong các xã hội hay quốc gia dưới chế độ xã hội chủ nghĩa như sự chia đất đai hay tài sản. Hình thức bình đẳng này xuất phát từ một người Pháp Gracchus Babeuf (*cuối thế kỷ XVIII*). 2- Người ta có thể nghĩ ra cách công bình hơn là cho mỗi người theo nhu cầu (*Aristote**) hay còn

hơn nữa "*các tận sở năng các thủ sở nhu*" mà Marx* đã đề cập đến như là sự bình đẳng tỉ lệ. Nhưng sự bình đẳng này cũng lại là nguồn gốc của những bất bình đẳng trong trạng thái vật chất của loài người (*có những người mạnh mẽ yếu, người siêng năng, kẻ lười biếng*). Nhưng bên kia của những bất bình đẳng về vị trí vật chất lại có sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật xã hội, và trên loại luật pháp này, có một sự bình đẳng luân lý cho rằng tất cả mọi người không kể quốc tịch hay điều kiện sinh hoạt đều có, như Kant* đã nói "*một luật lệ đồng nhất căn bản nơi sự tôn trọng lẫn nhau*". Trong các tôn giáo* xưa, vấn đề bình đẳng thường không được tôn trọng giữa nam và nữ, cho nên nữ phái không được vào hàng giáo phẩm* như Cơ Đốc giáo* hay chỉ là hàng ni sư đơn giản hạ cấp như Phật giáo*, hoặc gặt gao hơn như trong Hồi giáo* mà nữ phái phải chịu thiệt thòi nhất trong xã hội lương hay giáo. Với hệ thống giáo phẩm của phần Phổ Độ* trong Cao Đài giáo* thì nam cũng như nữ đều bình đẳng ở mọi cấp bậc với quyền hạn không khác nhau, ngoại trừ phẩm Giáo Tông* chỉ dành cho nam giới. Trong khi đó về phần tâm pháp Vô Vi thì người tu nam hay nữ đều cùng một đạo phục y cân như nhau và công phu* tu hiến dâng Luyện đạo* như nhau, không có gì sai biệt.

• bói toán

divination^F - divination^A - Nghệ thuật nói việc tương lai bằng đủ mọi phương tiện, hoặc do tự giác*, hoặc do sự giải thích các giấc mộng hoặc những sự kiện bất ngờ có mang theo một ý nghĩa, hay bởi những sắp đặt cố định bằng nhiều quy tắc trong những trò chơi phỏng đoán. Sự bói toán là căn bản của tất cả các tôn giáo* cổ, nó có liên quan đến pháp thuật*. Nơi các dân tộc Assyro-Babylonien (*Trung Đông*), bói toán là một trong những sự kiện chính của tôn giáo thường qua các phương pháp chiêm tinh học*. Tại Hy Lạp, những sấm ngữ ở đền Delphes hay ở đền Épidaure đã thay thế rất nhiều những tiên tri do các nữ Pythie* hay các giáo phẩm* Esculape làm trung gian. Các dân tộc Étrusques và dân La Mã đã nghiên cứu tất cả các dấu hiệu bất ngờ trong cánh chim bay, trong gan thú cầm, trong các giấc mộng và trong đủ các loại hiện tượng thiên nhiên. Tại Mỹ châu trước thời Colomb, Phi châu da trắng và da đen, Á châu

và Âu châu, rất nhiều trò chơi tiên đoán và nhiều hình thức mê tín dị đoan* xác nhận có sự bói toán. Nếu người dân Hy Lạp chấp nhận sự giải thích các giấc mộng, người Cơ Đốc đã chống lại ngay từ những thế kỷ đầu tiên các loại thầy bói mà những lời tiên đoán bị xem như những trò quỷ ma. Nhưng nhu cầu của con người muốn biết tương lai luôn luôn đòi hỏi các khoa thần bí*, mà dựa vào những sự quan sát các hiện tượng thiên nhiên khác nhau và nhất là dựa vào sự giải thích của những người ít nhiều được sự bố hóa* đã cố diễn tả những sự việc sẽ xảy ra. Cơ Đốc giáo* thì chống lại sự bói toán và xác quyết rằng tương lai là của Chúa và con người là một sinh vật do ngài, đã có số mệnh* và chỉ cần tin vào sự cứu rỗi của linh hồn*. Kể ra thì cũng là một thái độ chủ quan của người đạo Chúa, nhưng cuộc đời trên thế gian này đâu có đơn giản như vậy và những pháp bói toán đâu phải chỉ những kẻ do ma đưa lối quỷ đưa đường để phỉnh gạt con người với mục đích gì mà cũng có những nhà đạo đức* với tinh thần ưu thời mẫn thế đã có những luận cứ tiên tri về vận mạng của cá nhân hay của cả một thời đại như một Nostradamus ở Âu châu hay một Trang Trinh ở Việt Nam, thiết tưởng những người theo đạo Chúa cần tìm hiểu. Tuy nhiên Cao Đài giáo* có những lời tiên tri trong các Thánh ngôn* cho biết rõ những sự cố sẽ đến cho một giáo phẩm hay một Hội Thánh* trải qua những nạn khủng bố của Pháp thời bảo hộ hay của cộng sản sau 1945, có nói cũng khó tin cho kẻ bàng quan, nhưng đây không phải là thuật bói toán nhằm nhĩ của những tà thuật mà Cao Đài giáo rất cấm kỵ vì tin theo nó tức là đang đi vào con đường bàng môn tả đạo* vậy.

• bồ đề

bodhi^P - 菩提 - Phật giáo* tiếng Phạn có nghĩa như chữ chánh giác*, ngộ được lẽ chánh.

• bồ đề tâm

conscience bouddhique^F - *buddist consciousness*^A - 菩提心 - Tấm lòng rộng mở từ bi bác ái như cửa Phật.

• bồ đề thọ

pippala^F - *bodhi tree*^A - 菩提樹 - Cây to cao chừng 10 đến 12 mét, lá hình bầu dục, quả tròn có vỏ

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

cứng dùng làm tràng hạt để niệm* Phật. Tương truyền dưới gốc bồ đề này, tại rừng Lộc Uyển (*Mrigavana*), đức Thích Ca đã ngồi thiền và ngộ đạo, chỗ đất sở tại được gọi là trường Giác ngộ* (*Bodhimanda*). Năm 652, nhà sư Huyền Trang sang Ấn Độ có tả cảnh cây ấy như vậy: "Cây bồ đề này ở gần con sông Nairanjana. Đứng trong thành Rajagriha trông thấy nó ở 15 dặm ngoài xa, cội cây trắng mốc, lá xanh mà ngời". Trong khoảng tiền bán thế kỷ thứ XIX, một người Anh tên là Cunningham có đến xem cây bồ đề ấy, bảo rằng: "Cây *bodhi* trứ danh ấy hiện nay vẫn còn mà nó xơ xác rất mực, một cội to còn xanh tươi, có ba cành quay về hướng tây, còn mấy cành kia đã tróc sạch vỏ và mục ròi. Cây ấy có lẽ đã thường đổi thay, trồng đi trồng lại nhiều lần bởi vì cây *pippala* hiện nay đứng trên một cái đàn cao ít nữa là mười mét trên cuộc đất chung quanh". Ông Oldenberg, người Đức, tác giả sách Lịch Sử Đức Phật bảo rằng năm 1876, cây bồ đề ấy bị bão làm tróc gốc ...

• Bồ Tát

Bodhisattva^P - 菩薩 - Chứng quả bồ đề* tức ngôi chánh giác*. Khái niệm này có trong những sáng tạo của Phật giáo Đại Thừa* lý tưởng và duy tha. Đó là ngôi vị* bồ đề tâm*, có lòng từ bi nên trên đường đến Niết bàn*, bằng lòng trì hoãn việc giải thoát* bởi lòng đại lượng thanh cao để cứu độ* chúng sanh. Họ có thể trải qua nhiều kiếp* và tích lũy nhiều phước đức, là những vị cứu tinh khả dĩ tế độ* những người mà họ gặp trên đường tu học. Ánh sáng của họ tỏa ra và họ ban bố lòng từ thiện. Họ có thể biến thành nhiều hình thù để cứu sanh linh*. Bồ Tát có nhiều loại. Những vị quan trọng là hiện thân* của năm vị Phật Di Đà Dhyani tạo thành những Bồ Tát tịnh tâm. Trong Phật giáo Tiểu Thừa*, danh hiệu Bồ Tát được gán cho vị Phật Gautama khi ngài còn là Thái tử Sĩ Đạt Tha*. Ngài chỉ được gọi là Phật hay Thích Ca Mâu Ni* sau khi đắc đạo*. Trong Tiểu thừa học Ấn Độ, ngài bận một bộ vương phục vàng có nhiều ngọc quý và thường ở đứng ở tư thế đứng.

• Bồ Tát thừa

Véhicule des Bodhisattva^F - *The Bodhisattva Vehicle*^A - 菩薩乘 - Thừa thứ năm, cao nhất trong ngũ thừa* Phật giáo*. Pháp tu này ngoài mười điều

Đông Tân

thiện ra phải tu tập pháp lục độ* gọi là Lục độ ba la mật*. Người tu đến thừa này thì đắc Lục thông*.

• bố hóa

éclairer^F - enlighten^A - 佈化 - Người tu thành tín công hạnh thường được sự chứng ngộ phần chân lý* mà người thường không có được, hoặc họ có thể tự nhiên trở thành những người thông đạt nhiều lẽ mầu nhiệm* vũ trụ mà không phải do học hỏi ở nhà trường hay trong kinh sách.

• bố thí ba la mật

aumône bouddhique^F - buddist alms^A - 佈施波羅密 - Đem vật mình có cho người, thường chỉ của cải tiền bạc... Sự bố thí là hạnh của người tu không thể không có. Sự bố thí càng kín nhiệm bao nhiêu thì càng có giá trị tinh thần bấy nhiêu. Do đó nhận sự bố thí tức là phải nợ của người khác rất trở ngại cho việc tu tiến của một nhân thân bởi một linh hồn* muốn giải thoát* phải trả hết các nợ nần mình đã mắc phải từ bao nhiêu kiếp* trước. Còn vương nợ thế gian thì không làm sao thoát khỏi thế gian được. Tuy nhiên người tu Tiểu Thừa Phật giáo* chịu sự khát thực có nghĩa là sống nhờ vào sự bố thí của chúng sanh. Trong Bồ Tát thừa* của Phật giáo thì bố thí là phương pháp đầu tiên của lục độ* gồm có: 1 là tài thí (tiền bạc, của cải), 2 là vô úy thí (lời nói, việc làm), 3 là pháp thí (giảng giải giáo pháp). Lục độ ba la mật* do đó có nghĩa là cứu giúp cho người qua bờ bên kia. Như vậy cũng trong Phật giáo mà hai lối tu khác nhau: một bên thì nhận vào, một bên thì cho ra cùng một ý nghĩa của chữ tu để cứu đời, như thế thì đâu là chánh pháp? Trong Cao Đài giáo*, người tu Vô Vi thì không được nhận của bất cứ ai một ân nghĩa nào chứ đừng nói là nhận của bố thí, vì như thế tức là mang nợ dù người thì ân tự xem như công quả* với lòng thành. Cho nên người tu phải tự nuôi thân bằng công việc hằng ngày cho đến khi chết cũng vậy. Đức Ngô Minh Chiêu* có để lại số bạc 100 đồng dặn các người lo đám tang cho ngài chỉ chỉ tiêu trong phạm vi số tiền ấy mà không nhận phúng điệu của ai. Trong khi đó thì bên Phổ Độ*, các tín đồ hiến thân hành đạo phải lập kế hoạch đã đề ra trong hệ thống Cửu Viện* để tự túc hành đạo chứ không được nhận công quả của chúng sanh để nuôi mình, và những công quả ấy chỉ để phục vụ

cho sự thờ tự nơi Thánh sở mà thôi.

• bộ

étape monastique^F - monastic stage^A - 部 - Một bước tu. Theo phần Vô Vi Cao Đài giáo*, công phu* tu học Luyện đạo* gồm hai bộ: 1- từ thọ pháp đến hết ba năm đầu gọi là nhứt bộ, 2- sau đó khi được tiếp tục thì qua tám năm sau gọi là nhị bộ. Người tu thuần thành giữ đúng tâm pháp như thế chỉ cần mười hai năm là thành đạo. Lẽ cố nhiên, người tu phải theo giới hạnh và tâm pháp từ "người chỉ kiếu*" qua các lần xin keo" (với ý nghĩa là không do sự chỉ định của người phàm). Và sau khi liễu với ấn chứng* "mở Thiên Nhãn*" tức là người tu đã đắc quả Tiên vị nơi cõi Vô hình. Trường hợp đã qua nhứt bộ mà xin keo không được thì phải tu thêm sau 100 ngày xin lại, nếu được sẽ qua nhị bộ. Cũng thế, mãn tám năm nhị bộ mà không kết quả thì cũng phải tu thêm cho đến ngày liễu đạo*. Như thế nhị bộ sẽ kéo dài mà không có tam bộ theo tâm pháp từ đức Ngô Minh Chiêu* để lại.

• bốc phê

divination^F - divination^{Ac} - 卜筮 - Cách bói toán* theo Kinh Dịch*, dùng mai rùa thì gọi là bốc, dùng cỏ thì gọi là phê.

• bốn phận

devoir^F - duty^A - 本分 - Bắt buộc phải làm thường là theo luân lý. Sự bắt buộc này có thể mang tính tuyệt đối (Con người không bao giờ giết!) lúc đó gọi là những mệnh lệnh quyết định (Kant*) hay nó có thể tương đối và theo điều kiện (Nếu anh muốn làm nhà bác học* thì phải tìm tòi nghiên cứu đi!). Như thế gọi là mệnh lệnh giả thiết. Người ta còn phân biệt những bốn phận ngắn gọn (của luật pháp đơn giản) và những bốn phận rộng mở (do lòng nhân từ mà có). Bốn phận có thể đến từ: 1- ý thức* cá nhân (đó là sự bó buộc luân lý đúng nghĩa, cái mà Rousseau* gọi là cánh cửa của lương tâm); 2- sự hiện diện nơi chúng ta một ý thức xã hội hay ý thức tập thể (Durkheim và William James). Thế nên, chính ý thức xã hội buộc chúng ta phải thức dậy buổi sáng. Đời sống và cả nghệ thuật nhân lên, sự trùng hợp thường mãnh liệt giữa bốn phận và ý thức (ví dụ, người buộc Antigone phải chôn em mình theo nghi lễ tôn giáo) và bốn phận xã hội

(người đã giục; cũng trong bi kịch này, vua Cicéron từ chối sự chôn theo nghi lễ này). Các chế độ cũng thường đưa ra những nguyên tắc về bốn phận này và buộc người dân phải nghe theo, như cộng sản đưa ra cái bốn phận gọi là nghĩa vụ quốc tế chỉ để đem người dân các nước chư hầu làm công cụ bóc lột hay làm bia đỡ đạn cho mẩu quốc Liên Xô. Trong thời thực dân trước đây, người dân các nước thuộc tiểu như Việt Nam cũng đã được truyền giảng về bốn phận phải thờ Chúa là trên hết mà bỏ đi bốn phận thờ cúng* ông bà cùng phụng sự Tổ quốc, thì đó cũng một sách lược quốc tế theo mưu đồ tôn giáo độc tôn mà thôi.

• Bồng đảo

île des Fées^F - Fairy island^A - 蓬島 - Còn gọi là Bồng Lai, tên một trong ba hòn núi có Tiên ở nơi Bọt Hải (?), thường để chỉ cảnh trí an nhàn thư thái sung sướng mà linh hồn* bất tử* được hưởng do sự tích lũy những phước đức mà họ đã có buổi sinh tiền nơi thế gian. Cao Đài giáo* nhìn nhận rằng sự hiện hữu của cảnh trí này dành cho những vị đã có công đức tu học và thành đạo sẽ được thụ hưởng lâu dài, còn nếu chỉ tích lũy một phần âm chất* nào đó thì chỉ hưởng thụ một thời gian rồi phải tái sinh một kiếp* khác để tu học thêm trên trường tiến hóa là thế gian cho đến khi thành đạt mới trở về ngôi xưa vị cũ.

• Bồng lai nhược thủy

île des Fées et la Fontaine de Jouvence^F - Fairy island and the Fountain of Youth^A - 蓬萊若水 - Cảnh Bồng lai có dòng suối nước yếu ớt, chỉ cảnh thanh thần tiêu dao êm ả như dòng nước yếu không chờ nổi hột cải (như con sông bên Tàu theo sách Sơn Hải Kinh).

• Brahma

Đấng Chúa tuyệt đối, vị Thần cao nhất của Cổ Bà La Môn giáo*, nhân tính của Brahman*, Ngôi thứ nhất của Chúa Ba Ngôi*, nhưng trong Ấn Độ giáo* thì trở thành trừu tượng và lu mờ dần đối với các vị Civa* và Vishnu*. Theo đạo luật Manu* thì Brahma là Chúa Tạo Công. Vợ của Ngài là Sarasvati, Nữ Chúa của sự khôn ngoan, của khoa học* và của âm nhạc. Sự thờ kính Brahma ít dần, nhưng khi được trình diện thì Ngài cười con rồng có 4 tay và 4 mắt.

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Ngài cầm kinh Vệ Đà*, mà cứ theo kinh Upanishad thì Ngài sẽ đem truyền bá cho chúng sanh. Nhưng cũng từ danh từ Brahma này mà có danh từ Phạm Thiên*(?) nơi Phật giáo*, rồi lại gán cho nhân tính và liệt vào cùng hạng ngạ quỷ* súc sinh trong lục đạo* thuộc Thế gian thừa. Nhưng Cổ giáo này chỉ thể hiện trong thời xa xưa khi nền Triết học* cũng như Ấn Độ giáo thịnh hành, sau đó đã tin vào Đấng Brahman thì ngụy thuyết lục đạo kia đã không còn giá trị nữa.

• Brahman

Trong tư tưởng Ấn Độ là danh từ dành cho Thần linh*, Bản Thể* đại đồng*, Đấng Tuyệt Đối và Tự hữu, Đấng Sáng Tạo "*Chỉ có một Bản Thể và không có gì ngoài Đấng đó*". Thường thì người ta dịch chữ Brahman là Tâm Linh Vũ Trụ. Khái niệm trừu tượng, khó giải thích, đối tượng tịnh luyện* của những nhà đạo học*, theo đó thì Brahman không phải là vị Thánh Chúa mà là một Khái niệm Tuyệt đối, Tổng Thể bao trùm tất cả mọi vật hữu hình cũng như vô hình, từ đó tất cả đã sinh ra và theo đó tất cả lại trở về... Nguồn gốc của chữ Brahman hàm tàng ý nghĩa của sự vĩnh cửu và sự thanh cao (*gốc brah diễn tả ý nghĩa của sự cao cả tuyệt diệu*). Đó là cái ngã* của tất cả và của mỗi một vật thể. Cao Đài giáo* tuy có một nền triết học* riêng biệt nhưng khi đem suy diễn vào lịch trình diễn tiến tu học để thành đạo của một tín đồ phần Vô Vi thì đó là một sự dung hợp* giữa Tâm linh Con người* với Tâm Linh Vũ Trụ*, không khác tiến trình của Atman* trở về với Brahman vậy.

• Brahmana

Brahmana^P - Tiếng Phạn chỉ tập hợp những tác phẩm văn xuôi đánh dấu giai đoạn thứ nhì của tư tưởng Ấn Độ. Các bài bình luận của kinh Vệ Đà* hình thành một chủ nghĩa hy sinh (*trong đó một bí quyết nguyên thủy trên ngôn từ và những lễ tục phản ánh vật hy sinh* như là mục đích tối thượng cho Thần linh*), những bằng chứng cúng* bái, những huyền thoại, những chuyện thần kỳ... Các tác phẩm này là nguồn gốc phát sinh cho những lý luận về Brahman* và Atman*. Các di tích cổ xưa nhất có thể xuất phát từ thế kỷ thứ VIII trước Tây lịch. Sách Đại Thừa Chơn Giáo* của Cao Đài giáo* cũng cho biết Con Người là một Tiểu Linh Quang*

Đồng Tân

phát xuất từ Thượng Đế* Hóa Công vốn là khối Đại Linh Quang* cũng một ý nghĩa này, nên có thể xem Atman là Tiểu Linh Quang mà Brahman là Đại Linh Quang* vậy.

• bùa

amulette^F - amulet^A - Một vật nhỏ có pháp thuật* do các thầy phù thủy* trao cho người mang theo bên mình để tránh những quấy rối của các loại tà ma đã có từ thời xa xưa và nơi tất cả các dân tộc. Các tôn giáo* cũng có sử dụng lá bùa tùy theo mỗi nơi. Các cuộn da có ghi những câu Kinh Thánh* mà các tín đồ Cơ Đốc giáo* thường dùng cũng như người Hồi giáo* đã sử dụng cũng cùng một ý nghĩa như trên. Việc trong dân gian thường có những người mang theo lá bùa hộ mạng thì không nước nào không có. Cao Đài giáo* không có cái lệ này mà chỉ dùng cách cầu kinh bằng những buổi lễ để trừ tà* cho bệnh nhân, nếu không hiệu quả thì dùng các đạo phù* theo phương thức riêng dành cho hàng giáo phẩm* có công phụ* tu học cao mới hiệu quả.

• buôn Thần bán Thánh

traffiquer les Saints^F - to traffic the Saint^A - Chỉ những người hay những tổ chức tôn giáo lợi dụng quyền lực thiêng liêng* để làm tiền hoặc để thủ lợi cho cá nhân hay cho tập thể mình, chẳng hạn như sự cầu cúng* và các lễ lạt theo nghi thức sẵn có thì được mặc cả trước bằng số thù lao cho đến khi ngã giá, hay đã có giá cả quy định trước mới được thi hành. Đây là những tệ đoan được xem là thông lệ nơi các tôn giáo* xưa mà không tôn giáo nào không có và người tín đồ liên hệ cũng xem đây là một cách công quả*, chỉ đơn giản như thế mà thôi. Trong khi đó thì các hàng giáo phẩm* liên hệ cũng tự coi là cá nhân mình đáng được thụ hưởng mặc dù đó là món nợ mà họ phải trả trước khi từ giã cõi đời. Trường hợp này cũng xảy ra khi hàng giáo sĩ*, nhất là các giáo sĩ Tây phương, một khi đến tại một đất nước nghèo nàn xa xôi, thường đem những vật dụng hằng ngày ra bố thí cho dân bản xứ với mục đích thu phục họ theo tôn giáo mình. Cao Đài giáo* thì không như thế hàng giáo phẩm* chỉ làm công quả, không thu thù lao ở bất cứ buổi lễ quan hôn tang tế nào bởi quan niệm như thế là lợi dụng chúng sanh chứ không phải cứu độ* họ.

• Bửu Điện

Sanctuaire Sacré^F - Sacred Sanctuary^A - 寶殿 - Thường thì Bửu Điện được thiết trí đặc biệt vào một vị trí mà khi cần mới cho người hành lễ hành sự, tránh các cảnh tượng huyền ảo ồn ào. Nơi nhà thờ Cơ Đốc thì Bửu Điện có hình đức Jesus trên cây Thánh giá thường cách ly đám đông hành lễ bởi một hàng rào sắt. Trong chùa Phật, Bửu Điện là nơi có hình tượng đức Thích Ca ngồi tịnh tọa. Cao Đài giáo* thiết trí Bửu Điện không có hình tượng mà chỉ có quả Càn Khôn* trên có hình Thiên Nhân* nếu là Thánh Tòa, hoặc một bàn thờ* gọi là Thiên Bàn với hình Thiên Nhân ở giữa hai bên là hoa quả nếu là Thánh Thất* hay tư gia thuộc xã đạo. Tiếp theo Thánh tượng* có đèn mờ chiếu sáng gọi là đèn lưu ly, tiếp giữa là lư hương*, rồi đến lễ phẩm rượu trà ngang hàng với hai cây đèn lưỡng nghi* theo Vô Vi, hay đèn Thái Cực* đến lễ phẩm, giữa là lư hương, ngoài cùng ngang hàng với hai cây đèn lưỡng nghi theo Phổ Độ. Trong Bửu Điện phần Vô Vi, sau cùng hai bên Thiên Bàn còn có hai câu *Phật nhật tăng huy* - Pháp luân thường chuyển** cần cho người tu học tịnh luyện* hằng ngày, và phía trước Thiên bàn còn có một bàn đủ nghi thức gọi là bàn Hội đồng vì cần có sự dự chứng của chư vị Tiền bối đã thành đạo dự lễ mỗi kỳ đàn* (*Vô Vi*) cũng có một bàn cần cho ngôi vị Hộ Pháp* đứng chứng lễ mỗi kỳ đàn (*Phổ Độ*). Theo công truyền thể chế Tam Vi Nhất Thể* trong Cao Đài giáo thì việc thờ cúng* là một sự phối hiệp trang trọng giữa ba thành phần Tinh* Khí* Thần* nên Thiên bàn được xem như Thần, bàn Hộ Pháp được xem như Khí và môn đệ hành lễ được xem như Tinh. Vì vậy bàn Hộ Pháp được thay bằng hình chữ Khí (*viết theo cổ tự Tàu*). Cần chú ý việc thờ cốt tượng là điều cấm kỵ theo lệnh Vô hình trong Cao Đài giáo vì tính phạm nhân hóa Thần linh* không phù hợp với tín ngưỡng* mới.

• Bửu Linh

Âme Divine^F - Divine Soul^A - 寶鈴 - Khi linh hồn* người tu thành đạo xuất ra khỏi thể xác thì ở thể tinh anh vô nhiễm như buổi khai nguyên nên rất quý giá đáng tôn vinh và gọi là Bửu linh.

• Bửu Phan

Oriflamme sacrée^F - Sacred oriflamme, banner^A -

寶幡 - Ngọn phướn thiêng liêng* chỉ sự dẫn lối đưa đường cho linh hồn* nhập vào cõi Vô hình sau khi từ giả cõi đời nơi dương thế*.

• Bửu Tháp

Tour Sacrée^F - Sacred Tower^A - 寶塔 - Các tín hữu tu Vô Vi theo giới luật* không còn được nằm như khi chưa tu dù qua đêm cần nghỉ mà luôn luôn phải ở tư thế ngồi. Khi tu thì tịnh tọa kiết dà, khi mãn thời tu thì chỉ ngồi trong ghế xích đu. Đến khi liễu thì thường ở tư thế kiết già, người tu được ở nguyên tư thế đó mà không cần có sự ràng buộc. Khi liệm thì người tu vẫn được đồng đạo đặt nguyên tư thế ấy vào một cái hòm gỗ hình trụ lục giác (tượng hình lục tự Nam Mô Cao Đài Tiên Ông) có nắp kín. Khi chôn, hòm lục giác này được đặt trên mặt đất và từ đó xây thành cái tháp cũng hình lục giác, cách nền 1,2 mét thì hình tháp tóm dần, cao cách mặt đất khoảng 3 mét, trên đỉnh có bình bát du* nếu là người nam hay hình hoa sen nếu là người nữ. Hình thức này gọi chung là Bửu Tháp.

• Bửu Vị

Siège Sacrée^F - Sacred Seat^A - 寶位 - Thế thường chỉ ngôi vị* đế vương. Theo tôn giáo* thì có nghĩa là ngôi vị cao quý ở cõi Vô hình, chính là ngôi vị mà một linh hồn* đã có trước khi đi vào cõi sống tạm nơi thế gian từ thời nguyên thủy. Chính ngôi vị này đã bị ngăn cách từ bao lâu, trải qua nhiều kiếp*, có thể vô hạn theo Phật giáo*, nhưng con người luôn luôn tìm về nó với tất cả lòng thành tín của mình nên được xem như là một ngôi vị quý giá nhất mà con người đã bỏ mất từ lâu nay tìm lại được nên gọi là Bửu Vị.

